

Số câu Số điểm Tỷ lệ		01(2ý) 2,0 20%		01(2ý) 2,0 20%	02 4,0 40%
Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai			áp dụng các phép biến đổi làm toán rút gọn biểu thức chứa căn thức		
Số câu Số điểm Tỷ lệ			01 2 20%		01 2 20%
Căn bậc ba				Vận dụng khái niệm căn bậc ba giải phương trình vô tỉ	
Số câu Số điểm Tỷ lệ				01 1 10%	01 1 10%
Tổng cộng Số câu Số điểm Tỷ lệ	1 1,5 15%	2 3,5 35%	1 2 20%	2 3 30%	6 10 100%

III. Đề bài:

Câu 1: (1,5 điểm) Với giá trị nào của x thì các căn thức sau có nghĩa:

a) $\sqrt{3x-5}$; b) $\sqrt{\frac{-3}{4-5x}}$;

Câu 2: (1,5 đ) Rút gọn biểu thức: a) $\sqrt{(2-\sqrt{5})^2}$; b) $\sqrt{(a-3)^2 + (a-9)}$ (với $a < 3$) ;

Câu 3: (2,0 đ) Tính giá trị của biểu thức : a) $\sqrt{75} + \sqrt{48} - \sqrt{300}$; b) $\sqrt{81a} - \sqrt{36a} + \sqrt{144a}$ ($a \geq 0$)

Câu 4: (2,0 đ) Giải phương trình sau: a) $\sqrt{2x-3} = 7$; b) $\sqrt{3x+1} = \sqrt{4x-3}$

Câu 5: (2,5 điểm) Cho biểu thức $A = \left(\frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x+3}} + \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x-3}} - \frac{3x+3}{x-9} \right) : \left(\frac{2\sqrt{x}-2}{\sqrt{x}-3} - 1 \right)$ với $x \geq 0, x \neq 9$

Rút gọn A ;

Câu 6: (1 điểm) Giải phương trình : $3\sqrt[3]{x-3} + 4\sqrt[3]{8x-24} - \frac{1}{3}\sqrt[3]{27x-81} = -20$

IV. Đáp án :

Câu	Nội dung – Đáp án	Điểm
1	a) Để căn bậc hai đã cho có nghĩa $\Leftrightarrow 3x - 5 \geq 0 \Rightarrow x \geq \frac{5}{3}$	0,75
	b) Để căn bậc hai đã cho có nghĩa $\Leftrightarrow 4 - 5x \leq 0 \Rightarrow x \geq \frac{4}{5}$	0,75
2	a) $= 2 - \sqrt{5} = \sqrt{5} - 2$	0,75
	b) $= a - 3 + a - 9 = 3 - a + a - 9 = -6(a \leq 3)$	0,75
3	a) $= 5\sqrt{3} + 4\sqrt{3} - 10\sqrt{3} = -\sqrt{3}$	1
	b) $= 9\sqrt{a} - 6\sqrt{a} + 12\sqrt{a} = 15\sqrt{a}$	1
4	a. $\Leftrightarrow 2x - 3 = 49 \Leftrightarrow 2x = 52 \Leftrightarrow x = 26$	1
	c. $\Leftrightarrow 3x - 1 = 4x - 3 \Leftrightarrow -x = -2 \Leftrightarrow x = 2(x \geq \frac{3}{4})$	1
5	$A = \left(\frac{2\sqrt{x}(\sqrt{x}-3) + \sqrt{x}(\sqrt{x}+3) - (3x+3)}{(\sqrt{x}-3)(\sqrt{x}+3)} \right) : \left(\frac{2\sqrt{x}-2-\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}-3} \right)$	0,5
	a) $= \frac{2x - 6\sqrt{x} + x + 3\sqrt{x} - 3x - 3}{(\sqrt{x}-3)(\sqrt{x}+3)} : \frac{\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}-3}$	0,5
	$= \frac{-3(\sqrt{x}+1)}{(\sqrt{x}-3)(\sqrt{x}+3)} \times \frac{\sqrt{x}-3}{\sqrt{x}+1}$	0,5
	$= \frac{-3}{\sqrt{x}+3}$	0,5
6	$\Leftrightarrow 3\sqrt[3]{x+2} + 8\sqrt[3]{x+2} - \sqrt[3]{x+2} = -20$	
	$\Leftrightarrow \sqrt[3]{x+2} = -2$	0,5
	$\Leftrightarrow x = -10$	0,5

Tuần 10:

Ngày soạn: 18.10.2013

Ngày dạy: 9B.....

CHƯƠNG II : HÀM SỐ BẬC NHẤT

Group: <https://www.facebook.com/groups/tailieutieuhocvathcs/>

Tiết 19: NHẮC LẠI, BỔ SUNG CÁC KHÁI NIỆM VỀ HÀM SỐ

A.MỤC TIÊU:

Kiến thức: Học sinh được ôn luyện lại về các vấn đề:

- Các khái niệm về “hàm số”, “biến số”, hàm số có thể được cho bằng bảng, bằng công thức. Khi y là hàm số của x , thì có thể viết $y = f(x)$; $y = g(x)$Giá trị của hàm số $y = f(x)$ tại x_1, x_0 được kí hiệu là $f(x_0)$; $f(x_1)$. Đồ thị của hàm số là tập hợp tất cả các điểm biểu diễn các tập giá trị tương ứng $(x, f(x))$ trên mặt phẳng tọa độ. Bước đầu nắm được khái niệm hàm số đồng biến trên R , nghịch biến trên R .

Kĩ năng: HS biết cách tính và tính thành thạo các giá trị của hàm số khi cho trước biến số, biết biểu diễn các cặp số (x, y) trên mặt phẳng tọa độ, biết vẽ thành thạo đồ thị hàm số $y = ax$.

Thái độ: Giáo dục và rèn luyện cho HS tính cẩn thận, chính xác

B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

Giáo viên : Bảng phụ vẽ trước bảng VD 1a, 1b + bảng ?3 và đáp án của ?3

Học sinh : ôn lại phần hàm số đã học ở lớp 7, chuẩn bị máy tính bỏ túi

C. HOẠT ĐỘNG DẠY & HỌC:

Hoạt động của Giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
GV nêu yêu cầu kiểm tra ?. Khi nào y được gọi là hàm số của biến x ? Giới thiệu lại các khái niệm về hàm số mà HS đã được học ở lớp 7 - Giới thiệu ví dụ 1	1.Kiểm tra bài cũ Trả lời : Nếu đại lượng y phụ thuộc vào đại lượng thay đổi x sao cho với mỗi giá trị của x ta luôn xác định được một giá trị tương ứng của y thì y được gọi là hàm số của x GV tổng hợp, nhận xét và cho điểm <u>2. Khái niệm hàm số:</u> - Hàm số có thể được cho bằng bảng hoặc bằng công thức <u>Ví dụ 1:</u> a) y là hàm số của x được cho bằng bảng sau :

x	$\frac{1}{3}$	$\frac{1}{2}$	1	2	3
y	6	4	2	1	$\frac{2}{3}$

Lưu ý HS trong công thức $f(x)$ biến x chỉ lấy những giá trị mà tại đó $f(x)$ xác định.

- Kí hiệu $f(0); f(1); f(2)$..

- Khái niệm hàm hằng.

- Cho HS làm **[?1]**

Cho HS làm ít phút, gọi 1 HS lên bảng làm

HS lên bảng làm

Nhận xét đánh giá

Cho HS làm **[?2]**

Cho HS làm ít phút gọi 1 HS lên bảng làm

HS lên bảng làm

Nhận xét đánh giá

b) y là hàm số của x cho bởi công thức:

$$y = 2x ; y = 3x+3 ; y = -3x + \frac{1}{3}$$

- Kí hiệu $y = f(x) ; y = g(x)$..

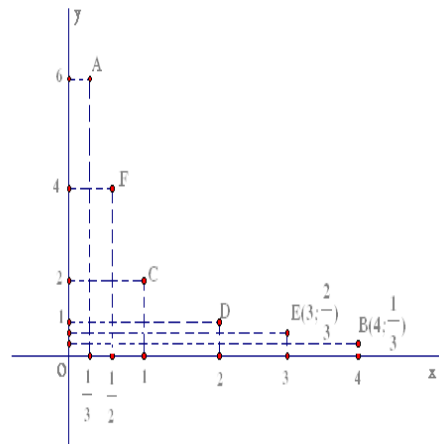
HS : $f(0); f(1); f(2)$. Là giá trị của hàm số tại điểm x có giá trị bằng 0 ; 1; 2

[?1] Cho $y = f(x) = \frac{1}{2}x + 5$

Tính: $f(0); f(1); f(2); f(3); f(-2); f(-10)$

2. Đồ thị của hàm số

[?2] a) HS lên bảng làm



b) Vẽ đồ thị hàm số $y = f(x) = 2x$ là tập hợp các điểm có tọa độ thỏa mãn $(x; f(x))$

3. Hàm số đồng biến, nghịch biến

Tính toán và điền vào bảng SGK tr 43 theo

<p>GV đưa ra 2 hàm số $y = 2x+1$, $y = - 2x+1$ và nêu yêu cầu :</p> <p>Tính giá trị tương ứng của hàm số và điền vào bảng theo mẫu mẫu bảng ở ?3</p> <p>- Treo bảng phụ ghi nội dung ?3</p> <p>+ Nhận xét về tính tăng , giảm của dãy giá trị của biến số và dãy giá trị tương ứng của hàm số</p> <p>GV: Đưa bảng phụ có đáp án</p> <p>Sau đó chốt lại vấn đề & đưa ra khái niệm hàm số đồng biến, nghịch biến.</p>	<p>yêu cầu ?3.</p> <p>1 HS lên bảng làm ?3</p> <p>HS trả lời</p> <p>Theo dõi và ghi vở: Cho hàm số $y = f(x)$ xác định trên R.</p> <p>- Nếu $x_1 < x_2$ mà $f(x_1) < f(x_2)$ thì hàm số $y = f(x)$ đồng biến trên R</p> <p>- Nếu $x_1 < x_2$ mà $f(x_1) > f(x_2)$ thì hàm số $y = f(x)$ nghịch biến trên R</p>
---	---

4: Củng cố kiến thức-Hướng dẫn về nhà:

Nắm được khái niệm hàm số, hàm đồng biến, hàm nghịch biến trên R.

Bài tập về nhà: 2;3;5;6;7 SGK.

*Tự rút kinh nghiệm:.....
.....
.....
.....

Tuần 10:

Ngày soạn: 18.10.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 20: LUYỆN TẬP

A.Mục tiêu:

- 1.Kiến thức: vận dụng kiến thức của mục 1 để làm các SGK tr 45.
2. Kỹ năng: Làm đúng, làm thành thạo các bài tập SGK tr 45.
- 3.Thái độ: Chú ý, tích cực hợp tác tham gia các hoạt động học.

B.Chuẩn bị:

- GV: Soạn bài chu đáo. đọc kỹ giáo án.
 HS: Học bài và làm trước các bài tập ở nhà.

C. Tổ chức các hoạt động học tập.

Hoạt động của Giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ</p> <p>HS1: Cho hàm số $y = f(x) = \frac{2}{3}x$</p> <p>Tính: $f(-2)$; $f(-1)$; $f(0)$; $f(1)$; $f(2)$; $f(3)$.</p> <p>HS2: cho hàm số: $y = g(x) = \frac{2}{3}x + 3$</p> <p>Tính: $g(-2)$; $g(-1)$; $g(0)$; $g(1)$; $g(2)$; $g(3)$.</p> <p>Hoạt động 2:Luyện tập</p> <p>+ GV : đưa về bài có đủ hình vẽ cho HS hđ nhóm.</p> <p>- Đại diện 1 nhóm lên trình bày lại các bước làm.</p> <p>(Nếu HS chưa biết trình bày các bước làm thì gv hướng dẫn)</p> <p>GV đưa bảng phụ đã ghi BT5</p> <p>- Gọi 1 HS lên bảng — yêu cầu HS cả lớp làm câu a.</p> <p>- GV nhận xét đồ thị HS vẽ</p>	<p>HS1 Tính:</p> <p>$f(-2) = \frac{-4}{3}$; $f(-1) = \frac{-2}{3}$; $f(0) = 0$</p> <p>$f(1) = \frac{2}{3}$; $f(2) = \frac{4}{3}$; $f(3) = 2$</p> <p>HS2: Tính:</p> <p>$g(-2) = \frac{5}{3}$; $g(-1) = \frac{7}{3}$; $g(0) = 3$;</p> <p>$g(1) = \frac{11}{3}$; $g(2) = \frac{13}{3}$; $g(3) = 5$.</p> <p>Luyện tập</p> <p>Bài 45 sgk:</p> <p>a) Tính giá trị tương ứng của y theo x</p> <p>b. A (2;4) ; B (4;4)</p> <p>$P\Delta AOB = AB + BO + OA$</p>

<p>- GV vẽ đường thẳng// với trục ox theo yêu cầu đề bài.</p>	$AB = 2 \text{ (cm)}$
<p>(?) xđ toạ độ điểm A, B</p>	$OB = \sqrt{4^2+4^2} = 4\sqrt{2}$
<p>(?) Hãy viết CT tính chu vi P của Δ_{AOB}</p>	$OA = \sqrt{4^2+2^2} = 2\sqrt{5}$
<p>(?) Trên hệ Oxy, AB =?</p>	$\Rightarrow P_{AOB} = 2+4\sqrt{2}+2\sqrt{5}$
<p>(?) Hãy tính O A, OB dựa vào số liệu ở đồ thị</p>	$\approx 12,13 \text{ (cm)}$
<p></p>	$- S_{\Delta AOB} = \frac{1}{2} \cdot 2 \cdot 4 = 4 \text{ (cm}^2\text{)}$
<p></p>	hoÆc
<p>(?) Dựa vào đồ thị, hãy tính $S_{\Delta OAB}$</p>	$S_{AOB} = S_{BOE} - S_{AOE}$
<p>(?) Còn cách nào khác tính S_{OAB}</p>	$= \frac{1}{4} \cdot 4 \cdot 4 - \frac{1}{2} \cdot 4 \cdot 2.$
	$= 8 - 4 = 4 \text{ (cm}^2\text{)}$

*** Hướng dẫn về nhà :**

- Ôn lại các kiến thức đã học : hàm số, HSĐB, HSNB trên R.

- Làm btVN : số 6,7 trang 45, 46 SGK

BT4,5 trang 56,57 SBT

Đọc trước bài : “ Hàm số bậc nhất”

*Tự rút kinh nghiệm:.....

.....

.....

.....

Tuần 11:

Ngày soạn: 24.10.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 21:

HÀM SỐ BẬC NHẤT

A-Mục tiêu :

1. Kiến thức: Hàm số bậc nhất là hàm số có dạng $y = ax + b$, trong đó hệ số a luôn khác 0
 - + Hàm số bậc nhất $y = ax + b$ luôn xác định với mọi giá trị của biến số x thuộc \mathbb{R} .
 - + Hàm số bậc nhất $y = ax + b$ đồng biến trên \mathbb{R} khi $a > 0$, nghịch biến trên \mathbb{R} khi $a < 0$.
2. kỹ năng: nhận biết được hàm số bậc nhất, chỉ ra được tính đồng biến của hàm bậc nhất $y = ax + b$ dựa vào hệ số a .
- 3.Thái độ : Chú ý, tích cực hợp tác xây dựng bài

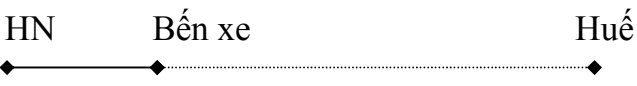
B-Chuẩn bị:

GV : Soạn bài chu đáo , đọc kỹ giáo án .

Bảng phụ ghi ? 1 (sgk) .

HS : Học thuộc các khái niệm về hàm số , tính chất đồng biến nghịch biến của hàm số .
Biết cách chứng minh tính đồng biến nghịch biến của hàm số

C. Tổ chức các hoạt động học tập

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung kiến thức cần đạt</i>
<p>Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ: Học sinh 1 - Cho hàm số $y = 3x + 1$ và $y = -3x + 1$ tính $f(0)$, $f(1)$, $f(2)$, $f(3)$ rồi nhận xét tính đồng biến , nghịch biến của 2 hàm số trên .</p> <p>Hoạt động 2: 1 : Khái niệm về hàm số bậc nhất - Bài toán cho gì ? yêu cầu gì ? - GV treo bảng phụ sau đó gọi Hs điền vào chỗ (...) cho đúng yêu cầu của bài ? - Gợi ý : Vận tốc của xe ô tô là bao nhiêu km/h từ đó suy ra 1 giờ xe đi được ? - Sau t giờ xe đi được bao nhiêu km ? - Vậy sau t giờ xe cách trung tâm Hà Nội bao xa ? - áp dụng bằng số ta có gì ? Hãy điền giá trị tương ứng của s khi t lấy giá trị là 1 giờ , 2 giờ , 3 giờ , ... - Qua bài toán trên em rút ra nhận xét gì ? - Hàm số bậc nhất là hàm số có dạng nào? cho ví dụ</p>	<p>1 : Khái niệm về hàm số bậc nhất <input type="checkbox"/> Bài toán (sgk) ? 1 (sgk) - Sau 1 giờ ô tô đi được là 50 km . - Sau t giờ ô tô đi được : $50.t$ (km) . - Sau t giờ ô tô cách trung tâm Hà Nội là : $s = 50t + 8$ (km)</p> <p>HN Bến xe Huế </p> <p>?2 (sgk) - Với $t = 1$ giờ ta có : $s = 50.1 + 8 = 58(\text{km})$. - Với $t = 2$ giờ ta có: $s = 50.2 + 8 = 108$ (km) . - Với $t = 3$ giờ ta có : $s = 50.3 + 8 = 158$ (km)Vậy với mỗi giá trị của t ta luôn tìm được 1 giá trị tương ứng của s \rightarrow s là hàm số của t .</p> <p><input type="checkbox"/> Định nghĩa (sgk) - Hàm số bậc nhất là hàm số có dạng :</p>

Trong các hàm số sau hàm số nào là hàm số bậc nhất?: chỉ rõ a .b

$$y_1 = \sqrt{3}x + \sqrt{5} ; \quad y_2 = (a - 2)x - 10$$

$$y_3 = \frac{2}{3}(x+1) ; \quad y_4 = 1 - x$$

$$y_5 = -8x ; \quad y_6 = (\sqrt{3} - 2)x + 4$$

$$y_7 = (2 - \sqrt[3]{8})x - 6$$

Hoạt động 3:

- Hàm số được xác định khi nào ?
- Hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) đồng biến, nghịch biến khi nào ?

GV: Giới thiệu tính chất

Trong các hàm số đã lấy ở trên hàm số nào đồng biến, nghịch biến? Vì sao?

$$y_1 = \sqrt{3}x + \sqrt{5}$$

$$y_2 = (a - 2)x - 10$$

$$y_3 = \frac{2}{3}(x+1) ; \quad y_4 = 1 - x$$

$$y_5 = -8x ; \quad y_6 = (\sqrt{3} - 2)x + 4$$

$$y_7 = (2 - \sqrt[3]{8})x - 6$$

- GV yêu cầu HS thực hiện ? 4(sgk)

Giải bài tập 13 (sgk - 48)

- Hàm số bậc nhất có dạng tổng quát như thế nào ?
- Để các hàm số trên là hàm số bậc nhất thì ta phải có điều kiện gì ?
- Gợi ý : Viết dưới dạng $y = ax + b$ sau đó tìm điều kiện để $a \neq 0$.
- GV cho HS làm sau đó gọi HS lên bảng làm bài . GV nhận xét, sửa chữa

$$y = ax + b \quad (a \neq 0)$$

2 Tính chất:

Hàm số bậc nhất $y = ax + b$

Tập xác định : mọi x thuộc R

Đồng biến khi $a > 0$. Nghịch biến khi $a < 0$

Ví dụ (sgk) Xét hàm số : $y = -3x + 1$

+ TXĐ : Mọi x thuộc R

$a = -3 < 0$ nên hàm số $y = -3x + 1$ nghịch biến trên R

- * - đồng biến $y_1, y_3,$
- nghịch biến y_4, y_5, y_6

Không phải là hàm bậc nhất y_7

Chưa xác định y_2

4 * Ví dụ :

- a) Hàm số đồng biến : $y = 5x - 2$ ($a = 5 > 0$)
- b) Hàm số nghịch biến : $y = -2x + 3$ ($a = -2 < 0$)

Giải bài tập 13 (sgk - 48)

$$a) \quad y = \sqrt{5-m}(x-1)$$

Để hàm số trên là hàm số bậc nhất ta phải có:

$\sqrt{5-m}$ có nghĩa và khác 0 . Từ đó suy ra $5 - m > 0$

$$\rightarrow m < 5$$

Vậy với $m < 5$ thì hàm số trên là hàm số bậc nhất

$$b) \quad y = \frac{m+1}{m-1}x + 3,5$$

Để hàm số trên là hàm số bậc nhất ta phải có:

và chốt cách làm.	$\frac{m+1}{m-1}$ có nghĩa và khác 0. Từ đó suy ra ta có: $m + 1 \neq 0$ và $m - 1 \neq 0$ Hay $m \neq -1$ và $m \neq 1$ Vậy với $m \neq 1$ và $m \neq -1$ thì hàm số trên là hàm số bậc nhất.
-------------------	---

Hoạt động 4: Cũng cố kiến thức-Hướng dẫn về nhà :

Hàm số bậc nhất là hàm số có dạng nào ? TXĐ của hàm số ?

- Hàm số bậc nhất đồng biến , nghịch biến khi nào ?

*Hướng dẫn về nhà

- Học thuộc định nghĩa , tính chất . Nắm chắc tính đồng biến , nghịch biến của hàm số
- Nắm chắc cách chứng minh hàm số đồng biến , nghịch biến .
- Xem lại các ví dụ và bài tập đã chữa . Giải các bài tập trong sgk - 48 .

*Tự rút kinh nghiệm:.....

Tuần 11:

Ngày soạn: 24.10.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 22: ĐỒ THỊ CỦA HÀM SỐ BẬC NHẤT

A-Mục tiêu :

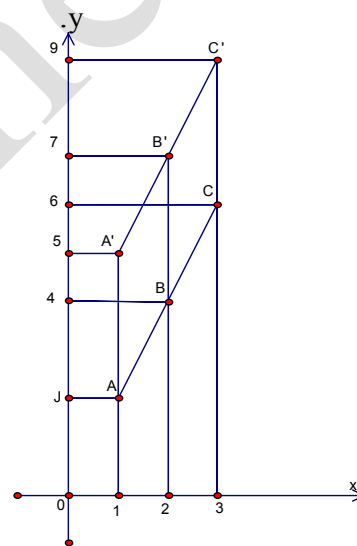
1. Kiến thức: Hiểu được đồ thị của hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) là một đường thẳng luôn cắt trục tung tại điểm có tung độ là b , song song với đường thẳng $y = ax$ nếu $b \neq 0$ hoặc trùng với đường $y = ax$ nếu $b = 0$
2. Kỹ năng: Biết cách vẽ và vẽ đúng đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ bằng cách xác định hai điểm thuộc đồ thị.
3. Thái độ: Chú ý, tích cực hợp tác tham gia hoạt động học

B-Chuẩn bị:

- GV: Nội dung theo yêu cầu bài học, các phương tiện dạy học cần thiết
- HS: Đủ SGK, đồ dùng học tập và nội dung theo yêu cầu của GV

C. Tổ chức các hoạt động học tập

Hoạt động của giáo viên và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu khái niệm hàm số bậc nhất . Tính giá trị của hàm số $y = 2x$ và $y = 2x + 3$ tại $x = -3, -2, -1, 0, 1, 2, 3$... và nhận xét về giá trị tương ứng của chúng. - Hàm số bậc nhất $y = ax + b$ đồng biến, nghịch biến khi nào? <p>Hoạt động 2:</p> <p>1. Đồ thị của hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về tung độ tương ứng của các điểm A, B, C với A', B', C'. - Có nhận xét gì về AB với A'B' và BC với B'C' . Từ đó suy ra điều gì ? - GV cho HS biểu diễn các điểm trên trên mặt phẳng tọa độ sau đó nhận xét theo gợi ý . - Hãy thực hiện ? 2 (sgk) sau đó nhận xét. - GV treo bảng phụ cho HS làm vào vở sau đó điền kết quả tính được vào bảng phụ. - Có nhận xét gì về tung độ tương ứng của hai hàm số trên? - Đồ thị hàm số $y = 2x$ là đường gì ? đi qua các điểm nào ? - Từ đó suy ra đồ thị hàm số $y = 2x + 3$ như thế nào ? 	<p>1 : Đồ thị của hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$)</p> <p>? 1 (sgk)</p> <p>A(1 ; 2) ; B (2 ; 4) , C(3 ; 6)</p> <p>A'(1 ; 5) , B'(2 ; 7) C'(3 ; 9)</p> <p>□ <u>Nhận xét :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung độ của mỗi điểm A' ; B' ; C' đều lớn hơn tung độ tương ứng của mỗi điểm A; B; C là 3 đơn vị . - Ta có: $AB \parallel A'B'$ $BC \parallel B'C'$. Suy ra: Nếu 3 điểm A, B, C cùng nằm trên một đường thẳng (d) thì A' , B' , C' cùng nằm trên một đường thẳng (d') song song với (d). <p>?2 (sgk)</p>



- HS nêu nhận xét tổng quát về đồ thị của hàm số $y = ax + b$ và nêu chú ý cách gọi khác cho H/s

Vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ khi $a, b \neq 0$ ta cần xác định những gì ?

Hoạt động 3:

- Trong thực hành để nhanh và chính xác ta nên chọn hai điểm nào ?

- Nêu cách xác định điểm thuộc trục tung và trục hoành .

- Hãy áp dụng cách vẽ tổng quát trên thực hiện ? 3 (sgk) .

Vẽ đồ thị hàm số

a) $y = 2x - 3$

b) $y = -2x + 3$

Vẽ đồ thị hàm số $y = x + 1$ và

$$y = -x + 3$$

trên cùng một mặt phẳng tọa độ

Nêu cách vẽ

Nhận xét:

Tung độ tương ứng của $y = 2x + 3$ luôn lớn hơn tung độ tương ứng của $y = 2x$ là 3 đơn vị.

Đồ thị của hàm số $y = 2x$ là đường thẳng đi qua $O(0; 0)$ và $A(1; 2) \rightarrow$ Đồ thị hàm số $y = 2x + 3$ là đường thẳng song song với đường thẳng $y = 2x$ cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng 3 . (hình vẽ - sgk)

□ Tổng quát: (sgk)

- Chú ý (sgk) .

2 : Cách vẽ đồ thị của hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$)

* Khi $b = 0$ thì $y = ax$. Đồ thị hàm số $y = ax$ là đường thẳng đi qua gốc tọa độ $O(0; 0)$ và điểm $A(1; a)$.

□ Khi $b \neq 0, a \neq 0$ ta có $y = ax + b$.

Đồ thị hàm số $y = ax + b$ là đường thẳng đi qua hai điểm $A(x_A; y_A)$ và $B(x_B; y_B)$.

Cách vẽ :

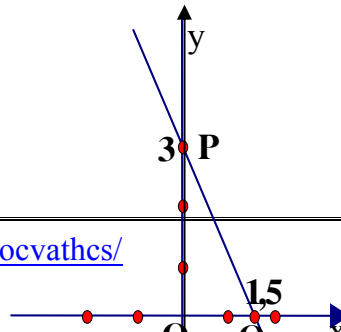
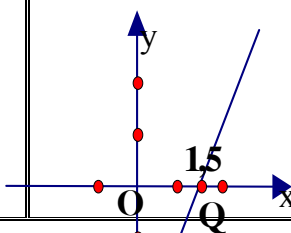
+ Bước 1 : Xác định giao điểm với trục tung.

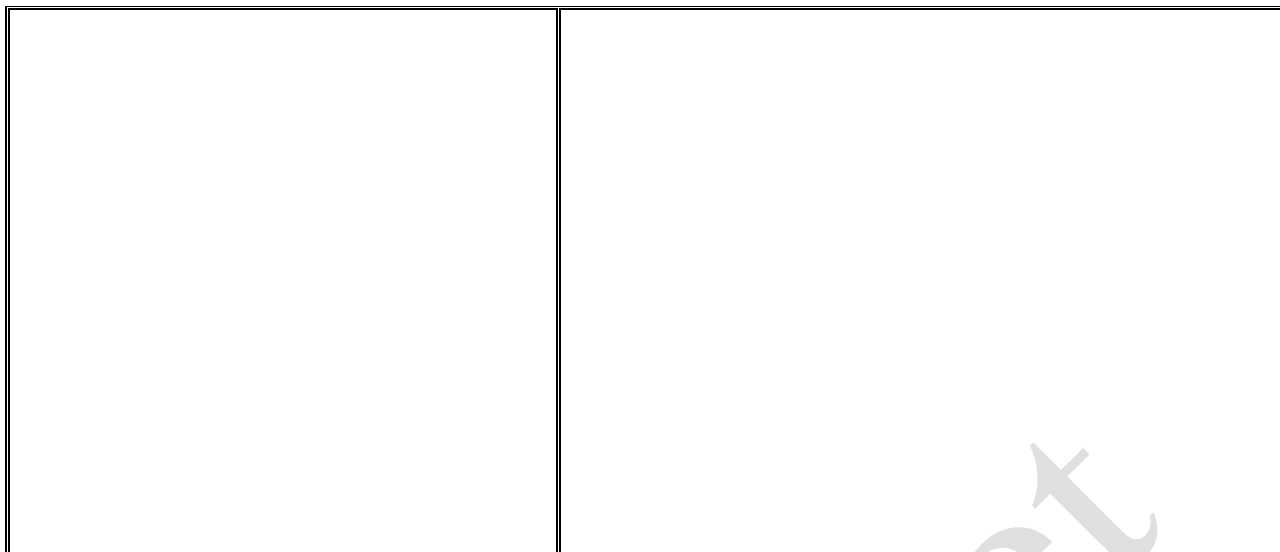
Cho $x = 0 \rightarrow y = b$ ta được điểm $P(0; b) \in Oy$.

Cho $y = 0 \rightarrow x = -\frac{b}{a}$, ta được điểm $Q(-\frac{b}{a}; 0) \in Ox$.

+ Bước 2 : Vẽ đường thẳng đi qua hai điểm P, Q ta được đồ thị của hàm số $y = ax + b$.

? 3 (sgk)





Hoạt động 4: Củng cố kiến thức-Hướng dẫn về nhà:

- Đồ thị hàm số bậc nhất $y = ax + b$ có dạng là đường gì ?
- Cách vẽ đồ thị hàm số bậc nhất $y = ax + b$ trong hai trường hợp.
 - Nêu cách xác định điểm thuộc trục tung và điểm thuộc trục hoành.

***Hướng dẫn về nhà**

- Nắm chắc dạng đồ thị của hàm số $y = ax + b$ và cách vẽ đồ thị hàm số đó.
- Xem lại các ví dụ và bài tập đã chữa
- Bài tập 16,17,18 trang 51,52 sgk

Tuần 12:

Ngày soạn: 31.10.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 23: **LUYỆN TẬP**

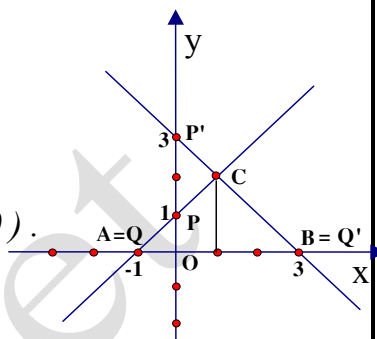
A-Mục tiêu:

1. Kiến thức: Củng cố cho học sinh cách vẽ đồ thị hàm số bậc nhất, xác định tọa độ giao điểm của hai đường thẳng cắt nhau, tính độ dài đoạn thẳng trên mặt phẳng tọa độ.
2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng vẽ đồ thị hàm số và xác định tọa độ. Xác định công thức của hàm số bậc nhất (tìm a , b) với điều kiện bài cho.
3. Thái độ: Tích cực, hợp tác tham gia hoạt động học.

B-Chuẩn bị:

- GV: Nội dung theo yêu cầu bài học, các phương tiện dạy học cần thiết
- HS: Đủ SGK, đồ dùng học tập và nội dung theo yêu cầu của GV

C. Tổ chức các hoạt động học tập

Hoạt động của giáo viên và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Hoạt động 1:Kiểm tra bài cũ:</p> <p>1.Đồ thị $y = ax + b$ có dạng nào, cách vẽ đồ thị đó (với $a, b \neq 0$)</p> <p>2Giải bài tập 16 a sgk - 51</p> <p>Hoạt động 2:</p> <p>bài tập 17</p> <p>+ Đồ thị hàm số $y = x+1$ là đường gì, đi qua những điểm đặc biệt nào ?</p> <p>+ Đồ thị hàm số $y = -x + 3$ là đường gì ? đi qua những điểm đặc biệt nào ?</p> <p>- Hãy xác định các điểm P, Q và vẽ đồ thị $y = x + 1$. Điểm P', Q' và vẽ đồ thị $y = -x + 3$.</p> <p>- Điểm C nằm trên những đường nào ? vậy hoành độ điểm C là nghiệm phương trình nào ? từ đó ta tìm được gì ?</p> <p>- Hãy dựa theo hình vẽ tính AB, AC, BC theo Pitago từ đó tính chu vi và diện tích ΔABC.</p> <p>bài tập 18</p> <p>- Để tìm b trong công thức của hàm số ta làm thế nào ? bài toán đã cho</p>	<p>Luyện tập</p> <p>Giải bài tập 17 (sgk - 51)</p> <p>a) + Vẽ $y = x + 1$:</p> <p>Đồ thị là đường thẳng đi qua $P(0 ; 1)$ và $Q(-1 ; 0)$. (P thuộc Oy, Q thuộc Ox)</p> <p>+ Vẽ $y = -x + 3$</p> <p>Đồ thị là đường thẳng đi qua $P'(0 ; 3)$ và $Q'(3 ; 0)$. (P' thuộc Oy, Q' thuộc Ox)</p> <p>b) Điểm C thuộc đồ thị $y = x + 1$ và $y = -x + 3 \rightarrow$ hoành độ điểm C là nghiệm của phương trình :</p> $x + 1 = -x + 3 \rightarrow 2x = 2 \rightarrow x = 1$ <p>Thay $x = 1$ vào $y = x + 1 \rightarrow y = 2$. vậy tọa độ điểm C là:</p> <p>$C(1 ; 2)$. Tọa độ điểm A, B là : $A = Q \rightarrow A(-1 ; 0)$</p> <p>$B = Q' \rightarrow B(3 ; 0)$</p> <p>c) Theo hình vẽ ta có : $AB = AH + HB = 1 + 3 = 4$</p> $AC = \sqrt{HC^2 + HA^2} = \sqrt{2^2 + 2^2} = \sqrt{8} = 2\sqrt{2}$ <p>Tương tự $BC = 2\sqrt{2}$</p> <p>Vậy chu vi tam giác ABC là : $4 + 2\sqrt{2} + 2\sqrt{2} = 4 + 4\sqrt{2}$</p> $S_{\Delta ABC} = \frac{1}{2} \cdot AB \cdot CH = \frac{1}{2} \cdot 4 \cdot 2 = 4(cm^2)$ 

yếu tố nào ?

- Gợi ý: Thay $x = 4$, $y = 11$ vào công thức trên để tìm b .

- Tương tự như phần (a) GV cho HS làm phần (b) bằng cách thay $x = -1$ và $y = 3$ vào công thức của hàm số.

- Đồ thị các hàm số trên là đường thẳng đi qua những điểm đặc biệt nào ? Hãy xác định các điểm thuộc trục tung và trục hoành rồi vẽ đồ thị của hàm số.

+) $y = 3x - 1$:

$P(0; -1)$ và $Q(1/3; 0)$.

+) $y = 2x + 5$:

$P'(0; 5)$ và $Q'(-5/2; 0)$

Học sinh vẽ

Giải bài tập 18 (sgk - 51)

a) Vì với $x = 4$ hàm số $y = 3x + b$ có giá trị là 11.

Nên thay $x = 4$; $y = 11$ vào công thức của hàm số ta có:

$11 = 3.4 + b \rightarrow b = -1$. Vậy hàm số đã cho là:

$y = 3x - 1$.

+Vẽ $y = 3x - 1$:

Đồ thị hàm số $y = 3x - 1$ là đường thẳng đi qua hai điểm P và Q thuộc trục tung và trục hoành : $P(0; -1)$; $Q(1/3; 0)$

b) Vì đồ thị hàm số $y = ax + 5$ đi qua điểm $A(-1; 3)$

\rightarrow Toạ độ điểm A phải thoả mãn CT của hàm số \rightarrow

Thay $x = -1$;

$y = 3$ vào công thức $y = ax + 5$ ta có: $3 = a.(-1) + 5$

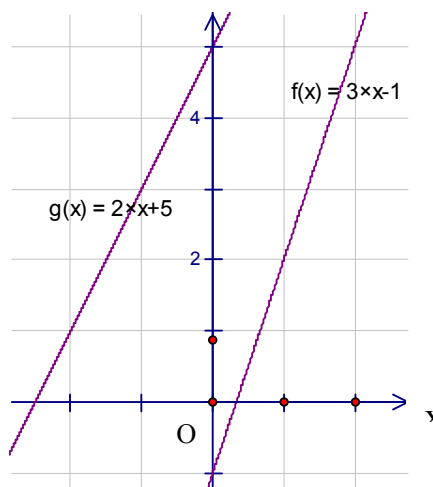
$\rightarrow a = 2$

Vậy hàm số đã cho là : $y = 2x + 5$.

+Vẽ $y = 2x + 5$

Đồ thị hàm số là đường thẳng đi qua $P'(0; 5)$ và

$Q'(-5/2; 0)$



Hoạt động 4: Củng cố kiến thức-Hướng dẫn về nhà :

- GV treo bảng phụ vẽ hình 8 (sgk - 52) cho HS thảo luận đưa ra phương án vẽ đồ thị trên .

*Hướng dẫn về nhà

- Nắm chắc cách vẽ đồ thị hàm số bậc nhất.
- Nắm chắc cách xác định các hệ số a, b của hàm số bậc nhất.
- Xem lại các bài tập đã chữa, giải các bài tập những phần còn lại: BT 19 tr52; BT 16 tr51 SGK

* **Tự rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....
.....

Tuần 12:

Ngày soạn: 31.10.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 24: **ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG VÀ ĐƯỜNG THẲNG CẮT NHAU**

A-Mục tiêu :

1. Kiến thức: Nắm vững điều kiện để hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.
2. Kỹ năng: Nhận biết được vị trí tương đối của hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$). HS biết vận dụng lý thuyết vào việc giải các bài toán tìm giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.
3. Thái độ: Tích cực, hợp tác tham gia hoạt động học.

B-Chuẩn bị:

- GV: Nội dung theo yêu cầu bài học, các phương tiện dạy học cần thiết
- HS: Đủ SGK, đồ dùng học tập và nội dung theo yêu cầu của GV

C-Tiến trình bài giảng

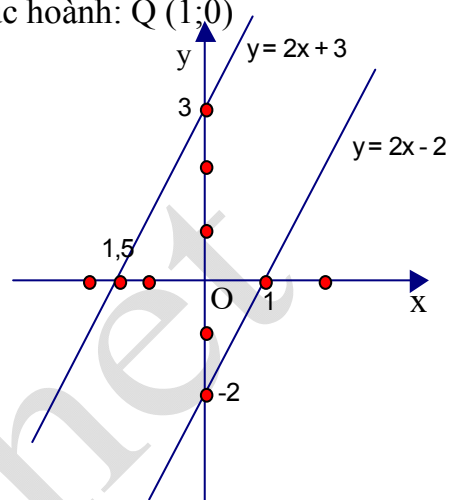
<i>Hoạt động của giáo viên và HS</i>	<i>Nội dung kiến thức cần đạt</i>
<i>Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ:</i> Vẽ đồ thị hàm số $y = 2x + 3$ và $y = 2x - 2$ trên cùng mặt phẳng Oxy	- Vẽ $y = 2x + 3$ + Điểm cắt trục tung: P (0;3)

+ Điểm cắt trục hoành: $Q(-\frac{3}{2}; 0)$

- Vẽ $y = 2x - 2$

+ Điểm cắt trục tung: $P(0; -2)$

+ Điểm cắt trục hoành: $Q(1; 0)$



Hoạt động 2:

1 : Đường thẳng song song

phần kiểm tra bài cũ em có nhận xét gì về hai đường thẳng $y = 2x + 3$ và $y = 2x - 2$

- Hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) song song với nhau khi nào vì sao ?

- Khi nào thì hai đường thẳng $y = ax + b$ và $y = a'x + b'$ trùng nhau ? vì sao ?

- Vậy ta có kết luận gì ?

Hoạt động 3:

- GV treo bảng phụ vẽ sẵn ba đồ thị hàm

1 : Đường thẳng song song

? 1 (sgk)

hai đường thẳng $y = 2x + 3$ và $y = 2x - 2$ song song với nhau vì cùng song song với đường thẳng

$y = 2x$

* Nhận xét (sgk)

* Kết luận (sgk)

$y = ax + b$ ($a \neq 0$)

và $y = a'x + b'$

($a' \neq 0$)

+ song song: $\Leftrightarrow a = a'$ và $b \neq b'$

+ Trùng nhau : $\Leftrightarrow a = a'$ và $b = b'$

số trên sau đó gọi HS nhận xét.

- Hai đường thẳng nào song song với nhau ? so sánh hệ số a và b của chúng.
- Hai đường thẳng nào cắt nhau ? so sánh hệ số a của chúng.
- Vậy em có thể rút ra nhận xét tổng quát như thế nào ?

Hoạt động 4:

Tìm hệ số a : b của hai đường thẳng

- Hai đường thẳng cắt nhau khi nào ? Từ đó ta có điều gì ? Lập $a \neq a'$ sau đó giải pt tìm m .
- Hai đường thẳng song song với nhau khi nào ? thỏa mãn điều kiện gì ? từ đó lập pt tìm m.
- Gợi ý : Dựa vào công thức của hai hàm số trên xác định a , a' và b , b' sau đó theo điều kiện của hàm số bậc nhất tìm m để $a \neq 0$ và $a' \neq 0$. Từ đó kết hợp với điều kiện cắt nhau và song song của hai đường thẳng ta tìm m.

2 : Đường thẳng cắt nhau

? 2 (sgk)

- Hai đường thẳng $y = 0,5x + 2$ và $y = 0,5x - 1$ song song với nhau vì $a = a'$ và $b \neq b'$.

- **Hai đường thẳng $y = 0,5x+2$; ($y = 0,5x - 1$) và $y = 1,5x + 2$ cắt nhau .**

* Kết luận (sgk)

$y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau khi và chỉ khi $a \neq a'$.

□ Chú ý : khi $a \neq a'$ và $b = b'$ → hai đường thẳng cắt nhau tại một điểm trên trục tung có tung độ là b

3 : Bài toán áp dụng

Bài toán (sgk)

Giải :

a) Hàm số $y = 2mx + 3$ có $a = 2m$ và $b = 3$

Hàm số $y = (m + 1)x + 2$ có $a' = m + 1$ và $b' = 2$

Hàm số trên là hàm bậc nhất → $a \neq 0$ và $a' \neq 0$

→ $2m \neq 0$ và $m + 1 \neq 0$ → $m \neq 0$ và $m \neq -1$

Để hai đường thẳng trên cắt nhau → $a \neq a'$

Tức là:

$$2m \neq m + 1 \rightarrow m \neq 1$$

Vậy với $m \neq 0$, $m \neq -1$ và $m \neq 1$ thì hai đồ thị hàm số trên cắt nhau.

b) Để hai đường trên song song với nhau

→ $a = a'$ và $b \neq b'$

Theo bài ra ta có $b = 3$ và $b' = 2$ → $b \neq b'$

Vậy hai đường trên song song khi và chỉ khi

$a = a'$ Tức là : $2m = m + 1$ → $m = 1$

Kết hợp với các điều kiện trên $m = 1$ là giá trị

	cần tìm.
--	----------

Hoạt động 5: Củng cố kiến thức, hướng dẫn về nhà:

Nắm chắc điều kiện để hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau.

Bài tập về nhà: 21-24 tr 54;55 sgk.

*** Tự rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

.....

Tuần 13:

Ngày soạn: 07.11.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 25: **ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG VÀ ĐƯỜNG THẲNG CẮT NHAU(tt)**

A-Mục tiêu :

1. Kiến thức: Học sinh được củng cố điều kiện để hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.
2. Kỹ năng: HS biết xác định các hệ số a, b trong các bài toán cụ thể. Rèn kỹ năng vẽ đồ thị hàm số bậc nhất. Xác định được giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.
3. Thái độ: Tích cực, hợp tác tham gia hoạt động học.

B-Chuẩn bị:

- GV: Nội dung theo yêu cầu bài học, các phương tiện dạy học cần thiết
- HS: Đủ SGK, đồ dùng học tập và nội dung theo yêu cầu của GV

C-Tiến trình bài giảng

<i>Hoạt động của giáo viên và HS</i>	<i>Nội dung kiến thức cần đạt</i>
<p>Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ Nêu điều kiện để hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.</p> <p>Hoạt động 2: bài tập 23 (sgk – 55) - Để xác định hệ số b ta phải thay giá trị của x và y vào đâu để tìm. Dựa theo điều kiện nào? - Đồ thị hàm số cắt trục tung → Giá trị của x và y là bao nhiêu? - Hãy thay $x = 0$ và $y = -3$ vào công thức của hàm số để tìm b - Đồ thị hàm số đi qua điểm A (1;5) → ta có $x = ?$; $y = ?$ Thay vào công thức của hàm số ta có gì?</p> <p>bài tập 24 (sgk – 55) - Hai đường thẳng cắt nhau → cần có điều kiện gì? Từ đó ta có đẳng thức nào? tìm được m bằng bao nhiêu? - HS làm bài GV nhận xét sau đó chốt lại cách làm. - Tương tự với điều kiện hai đường thẳng song song, trùng nhau ta suy ra được các đẳng thức nào? từ đó tìm được gì?</p>	<p>Học sinh - Nêu điều kiện để hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau</p> <p>Luyện tập Giải bài tập 23 (sgk – 55) Cho $y = 2x + b$. Xác định b. a) Đồ thị hàm số cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng $-3 \rightarrow$ với $x = 0$ thì $y = -3$. Thay vào công thức của hàm số ta có: $-3 = 2 \cdot 0 + b \rightarrow b = -3$ Vậy với $b = -3$ thoả mãn điều kiện đề bài. b) Vì đồ thị của hàm số đi qua điểm A (1;5) → Toạ độ điểm A phải thoả mãn công thức của hàm số $y = 2x + b \rightarrow$ Thay $x = 1$; $y = 5$ vào công thức của hàm số ta có $5 = 2 \cdot 1 + b \rightarrow b = 3$. Vậy với $b = 3$ thì đồ thị của hàm số đi qua điểm A (1;5)</p> <p>Giải bài tập 24 (sgk – 55) Cho $y = 2x + 3k$ và $y = (2m + 1)x + 2k - 3$. Để hàm số $y = (2m + 1)x + 2k - 3$ là hàm số bậc nhất ta phải có: $a \neq 0 \rightarrow 2m + 1 \neq 0 \rightarrow m \neq -\frac{1}{2}$.</p> <p>a) Để hai đường thẳng trên cắt nhau $\rightarrow a \neq a'$. Hay ta có: $2 \neq 2m + 1 \rightarrow 2m \neq 1 \rightarrow m \neq \frac{1}{2}$</p>

- GV cho HS làm tương tự với các điều kiện song song, trùng nhau → HS đi tìm m và k.

Vậy với $m \neq \pm \frac{1}{2}$ (I) thì hai đường thẳng trên cắt nhau

b) Để hai đường thẳng trên song song ta phải có:

$a = a'$ và $b \neq b'$. hay ta có:

$$\begin{cases} 2 = 2m + 1 \\ 3k \neq 2k - 3 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} m = \frac{1}{2} \\ k \neq -3 \end{cases} \text{ (II)}$$

Vậy với m và k thoả mãn điều kiện (II) thì hai đường thẳng trên song song.

c) Để hai đường thẳng trên trùng nhau ta phải có:

$a = a'$ và $b = b'$. Từ hai điều kiện (I) và (II) ta suy

ra $m = \frac{1}{2}; k = -3$ thì hai đường thẳng trên trùng nhau.

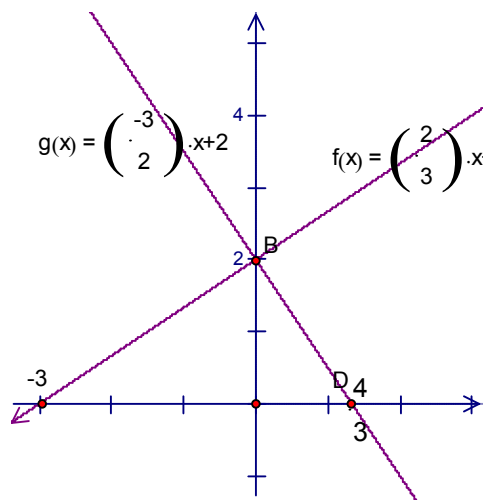
Giải bài tập 25 (sgk – 55)

- Vẽ $y = \frac{2}{3}x + 2$: + Điểm cắt trục tung B(0;2)

+ Điểm cắt trục hoành: A(-3;0)

Vẽ $y = -\frac{3}{2}x + 2$ + Điểm cắt trục tung B(0;2)

+ Điểm cắt trục hoành D ($\frac{4}{3}$;0)



bài tập 25 (sgk – 55)

-HS nêu cách vẽ đồ thị hàm số bậc nhất sau đó lấy giấy kẻ ô vuông để vẽ hai đồ thị của hai hàm số trên.

- Gợi ý: Xác định điểm cắt trục tung và điểm cắt trục hoành của mỗi đồ thị hàm số, sau đó xẽ đồ thị HS.

- GV cho HS làm ra giấy kẻ ô vuông sau đó treo bảng phụ kẻ sẵn ô vuông để HS lên bảng làm bài.

Hoạt động 3: Củng cố kiến thức-Hướng dẫn về nhà

- Nêu điều kiện để hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau.
- Xem lại các ví dụ và bài tập đã chữa giải các bài tập trong sgk trang 54,55
- BT 21 (sgk) – viết điều kiện song song, cắt nhau. Từ đó suy ra giá trị cần tìm.

* **Tự rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Tuần 13:

Ngày soạn: 14.11.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 26 **HỆ SỐ GÓC CỦA ĐƯỜNG THẲNG $y = ax + b (a \neq 0)$**

A-Mục tiêu:

1. Kiến thức: Hiểu khái niệm góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox , khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ và hiểu được rằng hệ số góc của đường thẳng có liên quan mật thiết với góc tạo bởi đường thẳng đó và trục Ox .
2. Kỹ năng: HS biết tính góc α hợp bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox trong trường hợp hệ số góc $a > 0$ theo công thức $a = \tan \alpha$.
3. Thái độ: Chú ý, tích cực hợp tác tham gia hoạt động học.

B-Chuẩn bị:

- GV: Nội dung theo yêu cầu bài học, các phương tiện dạy học cần thiết
- HS: Đủ SGK, đồ dùng học tập và nội dung theo yêu cầu của GV

C-Tiến trình bài giảng

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung kiến thức cần đạt</i>
<i>Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ</i> 1: Hai đường thẳng $y = ax + b$ và $y = a'x + b'$ (a và a' khác 0) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau khi nào? 2: Vẽ đồ thị các hàm số:	Học sinh nêu vị trí tương đối của hai đường thẳng và mối quan hệ của nó với hệ số a Học sinh Vẽ đồ thị các hàm số : $y = 0,5x + 2$; $y = x + 2$; $y = 2x + 2$ trên cùng một mặt phẳng Ox

$$y = 0,5x + 2; y = x + 2;$$

$y = 2x + 2$ trên cùng một mặt phẳng Ox

Hoạt động 2:

- Em hãy cho biết góc α tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox là góc nào ? tạo bởi các tia nào ?

- HS chỉ ra mỗi trường hợp 1 góc \rightarrow GV nhấn mạnh.

- Em có thể rút ra nhận xét gì về góc tạo với trục Ox của các đường thẳng song song với nhau.

- Các đường thẳng song song \rightarrow có cùng đặc điểm gì ? \rightarrow hệ số a bằng nhau ta có kết luận gì ?

- GV treo bảng phụ vẽ hình 11 (a, b) sau đó nêu câu hỏi cho HS nhận xét.

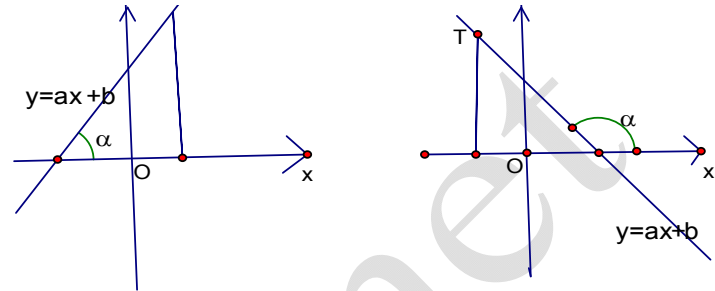
- Hãy trả lời câu hỏi trong sgk rồi rút ra nhận xét về góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ với trục Ox và hệ số a.

- Tại sao a lại được gọi là hệ số góc của đường thẳng

1 Khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$

a) Góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox

Góc α tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ với trục Ox là góc tạo bởi tia AT và Ax như hình



vẽ

b) Hệ số góc:

□ Nhận xét:

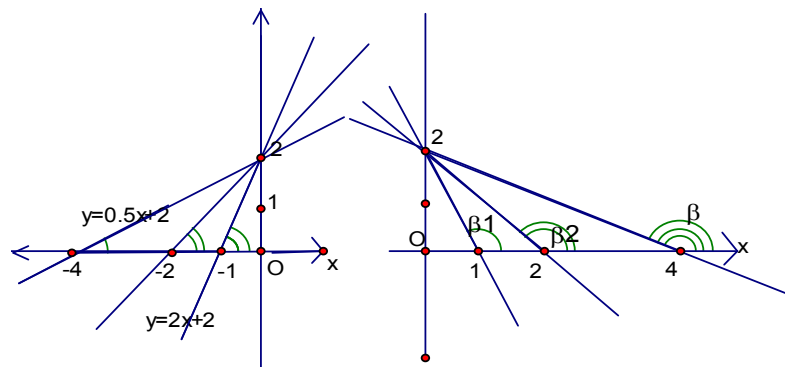
- Các đường thẳng song song với nhau sẽ tạo với trục Ox những góc bằng nhau.

- Các đường thẳng có cùng hệ số góc a (a là hệ số của x) thì tạo với trục Ox các góc bằng nhau

? (sgk)

a) Theo hình vẽ (11- a) ta có:

$\alpha_1 < \alpha_2 < \alpha_3$ và $a_1 < a_2 < a_3$ (với $a > 0$) \rightarrow Khi $a > 0$ thì góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ với trục Ox là góc nhọn . Hệ số a càng lớn thì góc tạo bởi đường thẳng với trục Ox càng lớn.



Hoạt động 3:

- Nêu cách vẽ đồ thị $y = ax + b$ rồi vẽ đồ thị hàm số trên.
- GV yêu cầu HS tìm điểm P và Q sau đó vẽ.
- HS lên bảng làm bài.
- Để tính được góc tạo bởi đường thẳng $y = 3x + 2$ với trục Ox ta cần dựa vào tam giác vuông nào ?
- Hãy nêu cách tính góc α trên
- Gợi ý: Dựa theo hệ thức lượng trong tam giác vuông.
- HS lên bảng làm bài
- GV nhận xét và chốt lại cách làm.

b) Theo hình vẽ (11 - b) ta có:

$\beta_1 < \beta_2 < \beta_3$ và $a_1 < a_2 < a_3 \rightarrow$ Khi $a < 0$ thì góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ với Ox là góc tù ($90^\circ < \beta < 180^\circ$) và hệ số a càng lớn thì góc càng lớn.

Vậy a gọi là hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$.

Chú ý: Khi $b = 0$, a vẫn là hệ số góc của đường thẳng $y = ax$

2 Ví dụ

Ví dụ 1 (sgk - 57)

Vẽ đồ thị $y = 3x + 2$ Điểm cắt trục tung: P(0;2).trục hoành: Q(- $\frac{2}{3}$;0)

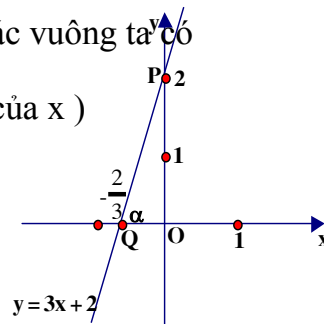
b)Gọi góc tạo bởi đường thẳng $y = 3x + 2$ và trục Ox là α

Xét ΔPQO có $\widehat{POQ} = 90^\circ$

Theo hệ thức lượng trong tam giác vuông ta có

$$\tan \alpha = \frac{PO}{OQ} = 2 : \frac{2}{3} = 3 \text{ (3 là hệ số của x)}$$

$$\rightarrow \alpha \approx 71^\circ 34'$$



Hoạt động 4: Củng cố kiến thức- hướng dẫn về nhà.

Nắm chắc khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$); tính được hệ số góc của đt trong trường hợp $a > 0$.

Về nhà làm bài tập: 27, 29, 30 sgk.

*** Tự rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 14:

Ngày soạn: 14.11.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 27 **HỆ SỐ GÓC CỦA ĐƯỜNG THẲNG $y = ax + b$ ($a \neq 0$) (tiếp theo)**

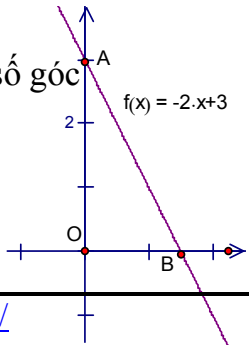
A-Mục tiêu:

1. Kiến thức: Học sinh được củng cố mối liên quan giữa hệ số a và góc α (góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ với trục Ox).
2. Kỹ năng: Học sinh được rèn luyện kỹ năng xác định hệ số góc a , hàm số $y = ax + b$, vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$, tính góc α , tính chu vi và diện tích tam giác trên mặt phẳng toạ độ.
3. Thái độ: Tích cực, hợp tác tham gia hoạt động học.

B-Chuẩn bị:

- GV: Nội dung theo yêu cầu bài học, các phương tiện dạy học cần thiết
- HS: Đủ SGK, đồ dùng học tập và nội dung theo yêu cầu của GV

C-Tiến trình bài giảng

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung kiến thức cần đạt</i>
<p>Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ:</p> <p>Hệ số góc của đường thẳng tạo với trục Ox là gì ? nêu các tính chất của hệ số góc.</p>	<p>Học sinh nêu các tính chất của hệ số góc</p> 

Hoạt động 2:

- Để xác định được hệ số a và b ta cần biết những điều kiện nào ?
- Với a = 2 hàm số có dạng nào ? từ đó theo điều kiện thứ 2 ta có thể thay x = ? ; y = ? vào công thức nào ?
- HS thay vào công thức (1) để tìm b
- Tương tự với phần (b) ta có a = ? → Hàm số có dạng nào ? Từ đó thay giá trị nào của x ; y vào công thức (2) để tìm b .
- GV cho HS lên bảng làm bài .
- Khi đồ thị của hàm số song song với một đường thẳng khác → ta xác định được gì ?
- từ đó suy ra a = ? vậy hàm số có dạng nào ? Thay x ; y giá trị nào vào công thức (3) để tìm b ?
- Nêu cách vẽ đồ thị hàm số của hai hàm số trên ?
- Hãy xác định các điểm cắt trục tung , điểm cắt trục hoành ?
- HS lên bảng vẽ đồ thị , các học sinh khác nhận xét . GV chữa lại và chốt cách vẽ .
- Hãy xác định tọa độ các điểm A , B ,

Luyện tập

Giải bài tập 29 (sgk - 59)

Với a = 2 thì đồ thị hàm số có dạng: $y = 2x + b$ (1)
 Vì đồ thị của hàm số (1) cắt trục hoành tại điểm có hoành độ là 1,5 → với x = 1,5 thì y = 0 Thay vào (1) ta có:

$$0 = 2.1,5 + b \rightarrow b = - 3.$$

Vậy hàm số đã cho là: $y = 2x - 3$.

b) Với a = 3 thì đồ thị hàm số có dạng: $y = 3x + b$ (2)

Vì đồ thị của hàm số (2) đi qua điểm A (2 ; 2)

→ với x = 2 ; y = 2 . Thay vào (2) ta có:

$$2 = 3.2 + b \rightarrow b = 2 - 6 \rightarrow b = - 4.$$

Vậy hàm số đã cho là: $y = 3x - 4$.

c) Vì đồ thị hàm số song song với đường thẳng

$y = \sqrt{3}x$ → ta có: $a = \sqrt{3}$. Vậy hàm số có dạng:

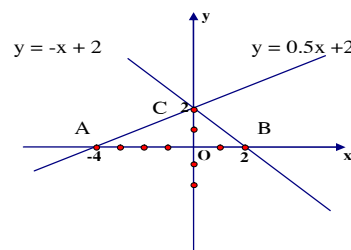
$$y = \sqrt{3}x + b$$
 (3)

Vì đồ thị hàm số (3) đi qua điểm B (1; $\sqrt{3} + 5$) → với

x = 1 ; y = $\sqrt{3} + 5$ Thay vào (3) ta có:

$$\sqrt{3} + 5 = \sqrt{3}.1 + b \rightarrow b = 5.$$

Vậy hàm số đã cho là : $y = \sqrt{3}x + 5$.



Giải bài tập 30 (sgk - 59)

<p>C theo yêu cầu của đề bài ?</p> <p>- Theo đồ thị các hàm số đã vẽ ở phần (a) ta có tọa độ các điểm A , B , C như thế nào ?</p> <p>- Hãy áp dụng hệ thức lượng trong tam giác vuông và tỉ số lượng giác của góc nhọn để tính các góc A , B , C của tam giác ABC.</p> <p>- GV cho HS dùng tỉ số tang của góc A, B, C để tính ?</p> <p>- Em có nhận xét gì về giá trị tg A; tgB với hệ số góc của hai đường thẳng trên ?</p> <p>- Nêu cách tính chu vi và diện tích của tam giác ABC ?</p>	<p>a) Vẽ $y = \frac{1}{2}x + 2$.</p> <p>+ Điểm cắt trục Oy: C(0;2)</p> <p>+ Điểm cắt trục Ox: A(-4;0)</p> <p>Vẽ $y = -x + 2$.</p> <p>+ Điểm cắt trục Oy: C(0;2)</p> <p>Điểm cắt trục Ox: B(2;0)</p> <p>b) Theo đồ thị ở phần (a) ta có: A(-4;0); B(2;0) và C(0;2)</p> <p>Ta có : $\tan A = \frac{OB}{OA} = (\text{hệ số } a)$</p> <p>$\tan A = 0,5 \rightarrow \angle A \approx 27^\circ$</p> <p>Tương tự ta có :</p> <p>$\tan B = \frac{OC}{OB} = 1 \rightarrow \angle B = 45^\circ \rightarrow \angle C 108^\circ$</p> <p>a) Theo đồ thị đã vẽ ở phần (a) ta có:</p> <p>AB = 6; OA = 4; OC = 2; OB = 2</p> <p>\rightarrow Theo pitgo ta có: $AC^2 = OA^2 + OC^2 = 4^2 + 2^2$</p> <p>$\rightarrow AC^2 = 20 \rightarrow AC = 2\sqrt{5} \text{ (cm)}$</p> <p>Tương tự ta có : $BC^2 = OC^2 + OB^2 = 2^2 + 2^2 = 8$</p> <p>$\rightarrow BC = 2\sqrt{2} \text{ (cm)}$</p> <p>Vậy $P_{ABC} = AB + AC + BC = (6 + 2\sqrt{5} + 2\sqrt{2})$</p> <p>$\rightarrow P_{ABC} \approx 13,3 \text{ (cm)}$</p> <p>Ta có : $S_{\Delta ABC} = \frac{1}{2}OC \cdot AB = \frac{1}{2} \cdot 2 \cdot 6 = 6 \text{ (cm}^2\text{)}$</p>
--	--

Hoạt động 3: Củng cố kiến thức-Hướng dẫn về nhà:

Củng cố:

- Nêu cách vẽ đồ thị hàm số bậc nhất.
- Góc của đường thẳng tạo với trục Ox là gì ? Hệ số góc là gì ?

Hướng dẫn:

- Học thuộc các khái niệm đã học.
- Xem lại các bài tập đã chữa, nắm chắc cách xác định hệ số góc của đường thẳng.

- Chuẩn bị cho bài Ôn tập chương II

* **Tự rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....
.....

Tuần 14:

Ngày soạn: 22.11.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 28

ÔN TẬP CHƯƠNG II

A-Mục tiêu:

1. Kiến thức: Hệ thống hoá kiến thức cơ bản của chương giúp học sinh hiểu sâu hơn, nhớ lâu hơn về các khái niệm hàm số, biến số, đồ thị của hàm số, khái niệm về hàm số bậc nhất $y = ax + b$, tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất. Mặt khác, giúp học sinh nhớ lại các điều kiện hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.
2. Kỹ năng: Giúp học sinh vẽ thành thạo đồ thị của hàm số bậc nhất, tìm tọa độ giao điểm hai đồ thị; xác định được góc của đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox; xác định được hàm số $y = ax + b$ thoả mãn một vài điều kiện nào đó (thông qua việc xác định các hệ số a, b)
3. Thái độ: Chú ý, tích cực, tự giác tham gia hoạt động học.

B-Chuẩn bị:

- GV: Nội dung theo yêu cầu bài học, các phương tiện dạy học cần thiết
- HS: Đủ SGK, đồ dùng học tập và nội dung theo yêu cầu của GV

C-Tiến trình bài giảng

<i>Hoạt động của giáo viên và HS</i>	<i>Nội dung kiến thức cần đạt</i>
Hoạt động1: Ôn tập lý thuyết. ? Hàm số bậc nhất được cho bởi công thức nào.	1 : Ôn tập lý thuyết -Học sinh trả lời câu hỏi theo SGK

? Khi nào thì hàm số đồng biến, nghịch biến trên R.

? Đồ thị của hàm số bậc nhất là đường gì ?, cách vẽ như thế nào ?, hệ số nào là hệ số góc, hệ số nào là tung độ gốc ?

? Điều kiện để hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau là gì ?

Hoạt động2: Luyện tập

- Hàm số là hàm bậc nhất khi nào ? để hàm số $y = (m - 1)x + 3$ đồng biến \rightarrow cần điều kiện gì ?

- Hàm số bậc nhất khi nào ? Đối với hàm số bài cho $y = (5 - k)x + 1$ nghịch biến \rightarrow cần điều kiện gì ?

- Hai đường thẳng song song với nhau khi nào ? cần điều kiện gì ?

- Hãy viết điều kiện song song của hai đường thẳng trên rồi giải tìm a ?

- GV gọi HS đứng tại chỗ trình bày lời giải .

- GV ra tiếp bài tập 36 (sgk) gọi HS đọc đề bài sau đó nêu cách làm ?

- GV gợi ý : Đồ thị hai hàm số trên

- GV treo bảng phụ tóm tắt các kiến thức đã học sau đó cho HS ôn lại qua bảng phụ

2: Bài tập luyện tập

Bài tập 32 (sgk - 61)

a) Để hàm số bậc nhất $y = (m - 1)x + 3$ đồng biến \rightarrow ta phải có: $m - 1 > 0 \rightarrow m > 1$

b) Để hàm số bậc nhất $y = (5 - k)x + 1$ nghịch biến \rightarrow ta phải có: $a < 0$ hay theo bài ra ta có: $5 - k < 0 \rightarrow k > 5$

Bài tập 34 (sgk - 61)

Để đường thẳng $y = (a - 1)x + 2$ ($a \neq 1$) và

$y = (3 - a)x + 1$ ($a \neq 3$) song song với nhau ta phải có: $a = a'$ và $b \neq b'$

Theo bài ra ta có: $b = 2$ và $b' = 1 \rightarrow b \neq b'$

để $a = a' \rightarrow a - 1 = 3 - a$

$\rightarrow 2a = 4 \rightarrow a = 2$

Vậy $a=2$ thì hai đường thẳng trên song song với nhau

Bài tập 36 (sgk - 61)

a) Để đồ thị của hai hàm số $y = (k + 1)x + 3$ và $y = (3 - 2k)x + 1$ là hai đường thẳng song song với nhau \rightarrow ta phải có: $a = a'$ và $b \neq b'$. Theo bài ra ta có $b = 3$ và $b' = 1 \rightarrow b \neq b'$.

Để $a = a' \rightarrow k + 1 = 3 - 2k$

song song với nhau cần có điều kiện gì ? viết điều kiện rồi từ đó tìm k ?

- GV cho HS lên bảng làm bài.

- Hai đường thẳng trên cắt nhau khi nào ? viết điều kiện để hai đường thẳng trên cắt nhau sau đó giải tìm giá trị của k ?

- HS trình bày lời giải bằng lời GV chữa bài lên bảng.

- Nêu điều kiện để hai đường thẳng trùng nhau ? viết điều kiện trùng nhau của hai đường thẳng trên từ đó rút ra kết luận ?

- Vì sao hai đường thẳng trên không thể trùng nhau.

Vẽ đồ thị hàm số ta cần xác định mấy điểm ? là điểm có tọa độ như thế nào ?

Vẽ đồ thị hàm số $y = 0,5x + 2$ và $y = 5 - 2x$ trên cùng một mặt phẳng tọa độ.

Gv y/c HS lên bảng vẽ đồ thị?

HD câu b,c,d để HS về nhà làm bài tập

$$\rightarrow 3k = 2 \rightarrow k = \frac{2}{3}$$

Vậy với $k = \frac{2}{3}$ thì hai đồ thị của hai hàm số trên là hai đường thẳng song song.

b) Để đồ thị của hai hàm số trên là hai đường thẳng cắt nhau thì ta phải có $a \neq a'$. Theo bài ra ta có

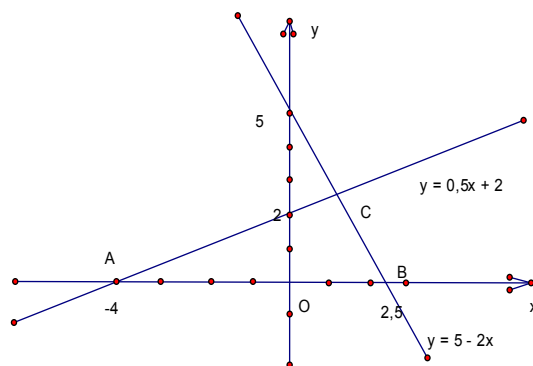
$$(k + 1) \neq 3 - 2k \rightarrow k \neq \frac{2}{3}$$

Vậy với $k \neq \frac{2}{3}$ thì đồ thị hai hàm số trên là hai đường thẳng cắt nhau.

c) Để đồ thị của hai hàm số trên là hai đường thẳng trùng nhau \rightarrow ta phải có $a = a'$ và $b = b'$

Theo bài ra ta luôn có $b = 3 \neq b' = 1$. Vậy hai đường thẳng trên không thể trùng nhau được.

Bài 37: a) Vẽ đồ thị $y = 0,5x + 2$ và $y = 5 - 2x$ trên mặt phẳng Oxy



b) Tọa độ các điểm là:

$$A(-4;0) ; B(2,5;0)$$

PT hoành độ giao của hai đường thẳng đã cho là:

$$0,5x + 2 = 5 - 2x \Rightarrow x = 6/5$$

$$\Rightarrow y = 13/5$$

$$\Rightarrow C(6/5; 13/5)$$

	c) Áp dụng công thức tính khoảng cách hai điểm d) HS tự giải
--	---

Hướng dẫn về nhà:

Nắm chắc cách tìm hệ số a hoặc b, đk để hàm đồng biến, nghịch biến, vẽ đồ thị hàm số bậc nhất, đk đt song song, cắt nhau, trùng nhau.

Ôn tập kĩ các kiến thức trên để giờ sau kiểm tra một tiết,

Tuần 15:

Ngày soạn: 23.11.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết: 29

KIỂM TRA CHƯƠNG II (45 phút)

A. Mục tiêu :

-Kiến thức: Kiểm tra, đánh giá việc tiếp thu kiến thức của học sinh trong chương II .

-Kỹ năng : HS thể hiện khả năng tư duy, suy luận, kĩ năng trình bày lời giải bài toán dựa trên kiến thức đã học trong chương II.

- Thái độ: Có thái độ trung thực, tự giác trong quá trình kiểm tra. Thể hiện khả năng của chính mình. Thể hiện thái độ lễ phép, tôn trọng thầy cô giáo.

B. Ma trận đề:

Chủ đề	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
				Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Định nghĩa,tính chất hàm số bậc nhất.		Nhận biết được hàm số bậc nhất,Biết xác định tham số để hàm số bậc nhất nghịch biến				
Số câu		2				2
Số điểm		2				2
Tỉ lệ		20%				20%
Đồ thị hàm số bậc nhất $y=ax+b$			Vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất	Tìm được giá trị tham số để đồ thị hàm số đi qua một điểm		

Số câu		1	1		2
Số điểm		2	1		3
Tỉ lệ		20%	10%		20%
Vị trí tương đối hai đường thẳng, ba đường thẳng,		Nhận biết hai đường thẳng song song	Xác định giao điểm hai đường thẳng	Tìm được giá trị của tham số để 3 đường thẳng đồng quy	
Số câu		1	1	1	3
Số điểm		1	1	1	3
Tỉ lệ		10%	10%	10%	30%
Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$			Tìm được phương trình đường thẳng		
Số câu			2		2
Số điểm			2		2
Tỉ lệ			20%		20%
Tổng số câu	2	2	4	1	9
Tổng số điểm	2	3	4	1	10
Tỉ lệ	20%	30%	40%	10%	100%

C. Đề kiểm tra: chương II (45')

Câu 1: (4 điểm) Cho hàm số $y = (m-1)x + 2$

Xác định m để :

- Hàm số đã cho là hàm số bậc nhất.
- Hàm số đã cho đồng biến.
- Đồ thị hàm số đi qua điểm $A(2; 4)$.
- Đồ thị hàm số song song với đường thẳng $y = 3x$

Câu 2 (3 điểm):

- a) Vẽ đồ thị của các hàm số sau trên cùng một mặt phẳng tọa độ Oxy:

$$(d): y = x - 2 \quad (d'): y = -2x + 1$$

- b) Tìm tọa độ giao điểm E của hai đường thẳng (d) và (d')

Câu 3: (3 điểm) Xác định hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$) trong các trường hợp sau:

- a) Đồ thị của hàm số là đường thẳng đi qua gốc tọa độ và có hệ số góc bằng - 2

b) Đồ thị của hàm số là đường thẳng cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng -3 và đi qua điểm B(-2; 1)

D.Đáp án – biểu điểm

Câu 1:(4 điểm mỗi câu đúng 1 điểm) Cho hàm số $y = (m-1)x + 2$

a)(1điểm) Hàm số đã cho là hàm số bậc nhất khi: $m-1 \neq 0 \Leftrightarrow m \neq 1$

b) (1điểm) Hàm số đã cho đồng biến khi: $m-1 > 0 \Leftrightarrow m > 1$

c) (1điểm) Vì đồ thị hàm số đi qua điểm A(2; 4) nên ta thay $x=2$; $y=4$ vào hàm số $y=(m-1)x + 2$ ta được: $4 = (m-1)2+2 \Leftrightarrow m=2$

d) (1điểm) Vì đồ thị hàm số song song với đường thẳng $y = 3x$ nên $m-1 = 3 \Leftrightarrow m=4$

Câu 2 (3 điểm):

a) (1,5điểm)

Vẽ đồ thị của các hàm số sau trên cùng một mặt phẳng tọa độ Oxy:

- Xét hàm số $y = x - 2$

+ Cho $x=0$ suy ra $y=-2$ ta được A(0;-2) + Cho $y = 0$ suy ra $x=2$ ta được B(2;0)

Đường thẳng AB là đồ thị hàm số $y = x - 2$

- Xét hàm số $y = -2x + 1$

+ Cho $x=0$ suy ra $y=1$ ta được C(0;1) + Cho $y = 0$ suy ra $x = 1/2$ ta được D(1/2;0)

Đường thẳng CD là đồ thị hàm số $y = -2x + 1$

b) (1,5điểm)

Hoành độ giao điểm E của hai đường thẳng (d) và (d') là nghiệm của phương trình:

$$x-2=-2x+1 \Leftrightarrow x+2x=1+2 \Rightarrow 3x=3 \Rightarrow x=1$$

Với $x=1$ suy ra $y=1-2=-1$ Vậy E(1;-1)

Câu 3:(3 điểm) Xác định hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$) trong các trường hợp sau:

a)(1,5điểm) Vì Đồ thị của hàm số là đường thẳng đi qua gốc tọa độ nên $b=0$ và có hệ số góc bằng - 2 nên $a=-2$. Vậy hàm số cần tìm là: $y = -2x$

b)(1,5điểm)

Vì Đồ thị của hàm số là đường thẳng cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng -3 nên $b= -3$

Vì Đồ thị của hàm số đi qua điểm B(-2; 1) nên ta có: $1=a(-2)-3 \Leftrightarrow a=-2$

Vậy hàm số cần tìm là: $y = -2x-3$

Tuần 15:

Ngày soạn: 25.11.2013

Chương III: HỆ HAI PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN

Tiết 30

PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN SỐ

A-Mục tiêu:

1. Kiến thức: Hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm và cách giải phương trình bậc nhất hai ẩn. Hiểu được tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn hình học của nó. Biết cách tìm công thức nghiệm tổng quát và vẽ đường thẳng biểu diễn tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn.
2. Kỹ năng: Nhận biết phương trình bậc nhất hai ẩn, biết được khi nào một cặp số $(x_0; y_0)$ là một nghiệm của phương trình $ax + by = c$
3. Thái độ: Tích cực, hợp tác tham gia hoạt động học.

B-Chuẩn bị:

- GV: Nội dung theo yêu cầu bài học, các phương tiện dạy học cần thiết
- HS: Đủ SGK, đồ dùng học tập và nội dung theo yêu cầu của GV

C- Tiến trình bài giảng

<i>Hoạt động của giáo viên và HS</i>	<i>Nội dung kiến thức cần đạt</i>
<p>Hoạt động 1: Giới thiệu chương III</p> <p>GV :Giới thiệu bài toán mở đầu</p> <p>Hoạt động 2:</p> <p>Thế nào là pt bậc nhất 2 ẩn?</p> <p>- GV lấy ví dụ giới thiệu về phương trình bậc nhất hai ẩn.</p> <p>HS làm BT</p> <p>Trong các pt sau pt nào là pt bậc nhất 2 ẩn xác định hệ số a,b c</p> <p>- nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn là gì ? có dạng nào ?</p>	<p>1 : Khái niệm về phương trình bậc nhất hai ẩn</p> <p>Phương trình bậc nhất hai ẩn x và y là hệ thức dạng: $ax + by = c$ (1). Trong đó a, b và c là các số đã biết.</p> <p>Ví dụ 1: các phương trình $2x - y = 1$; $3x + 4y = 0$; $0x + 2y = 4$; $x + 0y = 5$ là những phương trình bậc nhất hai ẩn.</p> <p>- Nếu với $x = x_0$ và $y = y_0$ mà VT = VP thì cặp số $(x_0; y_0)$ được gọi là một nghiệm của phương trình.</p>

- GV lấy ví dụ về nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn. Sau đó nêu chú ý

- GV yêu cầu HS thực hiện ? 1 tương tự như ví dụ trên.

- Để xem các cặp số trên có là nghiệm của phương trình hay không ta làm thế nào ? nêu cách kiểm tra ?

- Tương tự hãy chỉ ra một cặp số khác cũng là nghiệm của phương trình .

- GV nêu nhận xét .

Hoạt động 3:

- GV lấy tiếp ví dụ sau đó gợi ý HS biến đổi tương đương để tìm nghiệm của phương trình trên .

- Hãy thực hiện ? 3 để tìm nghiệm của phương trình trên ?

- Một cách tổng quát ta có nghiệm của phương trình $2x - y = 1$ là gì ?

- Tập nghiệm của phương trình trên là gì ? cách viết như thế nào ?

- GV hướng dẫn HS viết nghiệm tổng quát của phương trình theo 2 cách .

Ta viết: phương trình (1) có nghiệm là

$$(x; y) = (x_0; y_0)$$

Ví dụ:

$(3; 5)$ là nghiệm của phương trình $2x - y = 1$.

Chú ý.

?1

+ Cặp số $(1; 1)$ thay vào phương trình $2x - y = 1$ ta có

VT = $2 \cdot 1 - 1 = 2 - 1 = 1 =$ VP $\rightarrow (1; 1)$ là nghiệm của phương trình.

+ Thay cặp số $(0,5; 0)$ vào phương trình ta có:

VT = $2 \cdot 0,5 - 0 = 1 - 0 = 1 =$ VP \rightarrow cặp số $(0,5; 0)$ là nghiệm của phương trình .

+ Cặp số $(2; 3)$ cũng là nghiệm của phương trình.

? 2 (sgk): Phương trình $2x - y = 1$ có vô số nghiệm thoả mãn $x \in R$ và $y = 2x - 1$.

Nhận xét (sgk)

2 : Tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn

x	- 1	0	0,5	1	2	2,5
y = 2x - 1	- 3	-1	0	1	3	4

*

+ Xét phương trình : $2x - y = 1$ (2)

$$\Leftrightarrow y = 2x - 1$$

Tổng quát : với $x \in R$ thì cặp số $(x; y)$ trong đó $y = 2x - 1$ là nghiệm của phương trình (2) . Vậy tập nghiệm của phương trình (2) là :

$S = \{ x; 2x - 1 \mid x \in R \} \rightarrow$ phương trình (2) có nghiệm tổng quát là $(x; 2x-1)$ với $x \in R$ hoặc:

$$\begin{cases} x \in R \\ y = 2x - 1 \end{cases}$$

<p>- gv:vẽ hình 1 biểu diễn tập nghiệm của pt (1) trên Oxy.</p> <p>- GV ra tiếp ví dụ yêu cầu HS áp dụng ví dụ 1 tìm nghiệm của phương trình.</p> <p>PT: $0x + 2y = 4 \Rightarrow y = ?$</p> <p>? NTQ viết như thế nào?</p> <p>? Tập nghiệm của (3) biểu diễn trên mp tọa độ là đường gì?</p> <p>PT: $x + 0y = 3 \Rightarrow x = ?$</p> <p>? NTQ viết được như thế nào?</p> <p>? Tập nghiệm của (4) Biểu diễn trên mp tọa độ là đt có vị trí gì với trục oy?</p> <p>Tóm lại PT bậc nhất hai ẩn luôn có số nghiệm như thế nào?</p>	<p>- Trong mặt phẳng tọa độ Oxy tập hợp các điểm biểu diễn các nghiệm của phương trình (2) là đường thẳng $y = 2x - 1$ (hình vẽ 1) (sgk) .(đường thẳng d)</p> <p>ta viết : (d) : $y = 2x - 1$</p> <p>+ Xét PT: $0x + 2y = 4$ (3) $\Rightarrow y = 2$</p> <p>NTQ: $(x, 2)$, với x thuộc \mathbb{R}.</p> <p>Tập nghiệm của (3) biểu diễn trên mặt phẳng tọa độ là đt song song với trục hoành, cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng 2.</p> <p>+ Xét PT: $x + 0y = 3$ (4) $\Rightarrow x = 3$</p> <p>NTQ: $(3, y)$, y thuộc \mathbb{R}.</p> <p>Tập nghiệm biểu diễn trên mp tọa độ là đt song song với trục tung cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng 3.</p> <p>* Tổng quát: SGK</p>
---	--

Hoạt động 4: Củng cố kiến thức-Hướng dẫn về nhà:

- Nêu công thức nghiệm tổng quát của phương trình $ax + by = c$ trong các trường hợp.
- GV yêu cầu HS làm bài tập 1 (sgk) sau đó lên bảng làm bài.
- Nắm chắc công thức nghiệm tổng quát của phương trình $ax + by = c$.
- Xem lại các ví dụ và bài tập đã chữa, cách tìm nghiệm của phương trình.
- Giải các bài tập trong sgk - 7 (BT 2 ; BT 3) - như ví dụ đã chữa.

*** Tự rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

.....

Tiết 31

HỆ HAI PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN SỐ

A-Mục tiêu:

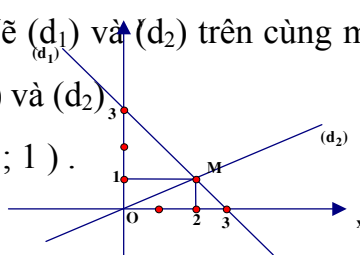
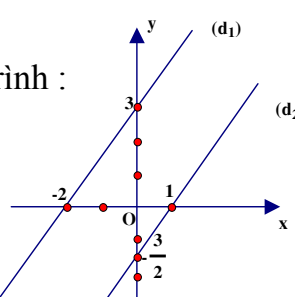
1. Kiến thức: Hiểu khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, và nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, phương pháp minh họa hình học tập nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn . Khái niệm hai hệ phương trình tương đương
2. Kỹ năng: Nhận biết được khi nào một cặp số $(x_0; y_0)$ là một nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. Không cần vẽ hình biết được số nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.
3. Thái độ: Chú ý, tích cực, hợp tác tham gia hoạt động học.

B-Chuẩn bị:

- GV: Nội dung theo yêu cầu bài học, các phương tiện dạy học cần thiết
- HS: Đủ SGK, đồ dùng học tập và nội dung theo yêu cầu của GV

C -Tiến trình bài giảng

<i>Hoạt động của giáo viên và HS</i>	<i>Nội dung kiến thức cần đạt</i>
<p>Hoạt động 1:Kiểm tra bài cũ:</p> <p>1. Thế nào là phương trình bậc nhất hai ẩn số</p> <p>2.Nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn là gì? Tìm nghiệm tổng quát của phương trình $2x+y=4$</p> <p>Hoạt động 2:</p> <p>- GV ra ví dụ sau đó yêu cầu HS thực hiện ? 1 (sgk) suy ra nghiệm của 2 phương trình .</p> <p>- Cặp số $(2;-1)$ là nghiệm của phương trình nào ?</p> <p>- GV giới thiệu khái niệm.</p> <p>- Nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn là cặp số thoả mãn điều</p>	<p>1 : Khái niệm về hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn</p> <p>Xét hai phương trình: $2x + y = 3$ và $x - 2y = 4$</p> <p>? 1 (sgk)</p> <p>Cặp số $(x;y) = (2;-1)$ là một nghiệm của hệ phương trình</p> $\begin{cases} 2x + y = 3 \\ x - 2y = 4 \end{cases}$ <p>Tổng quát (sgk). Hệ hai phương trình bậc nhất hai</p>

<p>kiện gì ?</p> <p>- Giải hệ phương trình là tìm gì ?</p> <p>Hoạt động 3:</p> <p>GV ra ? 2 (sgk) sau đó gọi HS làm ? Nêu nhận xét về tập nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn?</p> <p>- Tập nghiệm của hệ pt (I) được biểu diễn bởi tập hợp điểm chung của những đường nào ?</p> <p>- GV lấy ví dụ sau đó hướng dẫn HS nhận xét về số nghiệm của hệ pt dựa theo số giao điểm của hai đt (d₁) và (d₂).</p> <p>- Hãy vẽ hai đt (d₁) và (d₂) ở ví dụ 1 trên cùng một hệ trục tọa độ sau đó tìm giao điểm của chúng.</p> <p>- Từ đó suy ra nghiệm của hệ phương trình là cặp số nào ?</p> <p>- GV cho HS làm sau đó tìm tọa độ giao điểm và nhận xét.</p> <p>- GV ra tiếp ví dụ 2 sau đó yêu cầu HS làm tương tự như ví dụ 1 để nhận xét và tìm số nghiệm của hệ hai phương trình ở ví dụ 2.</p> <p>- Vẽ (d₁) và (d₂) trên cùng (Oxy) sau</p>	<p>ân : (I) $\begin{cases} ax+by=c & (d) \\ a'x+b'y=c' & (d') \end{cases}$</p> <p>- Nếu (x₀; y₀) là nghiệm chung của hai phương trình → (x₀; y₀) là một nghiệm của hệ (I).</p> <p>- Nếu hai phương trình không có nghiệm chung → hệ (I) vô nghiệm.</p> <p>Giải hệ phương trình là tìm tập nghiệm của nó</p> <p>2 : Minh họa hình học tập nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn ? 2 (sgk)</p> <p>□ Nhận xét (sgk)</p> <p>Tập nghiệm của hệ phương trình (I) được biểu diễn bởi tập hợp các điểm chung của (d) và (d') . (d) là đường thẳng $ax + by = c$ và (d') là đường thẳng $a'x + b'y = c'$</p> <p>□ Ví dụ 1 : (sgk) Xét hệ phương trình :</p> $\begin{cases} x+y=3 \\ x-2y=0 \end{cases}$ <p>Gọi (d₁) là đường thẳng $x + y = 3$ và (d₂) là đường thẳng $x - 2y = 0$. Vẽ (d₁) và (d₂) trên cùng một hệ tọa độ → ta thấy (d₁) và (d₂) cắt nhau tại điểm M (2 ; 1) .</p> <p>→ Hệ phương trình đã cho có nghiệm duy nhất (x ; y) = (2 ; 1) .</p>  <p>Ví dụ 2 (sgk) Xét hệ phương trình :</p> $\begin{cases} 3x-2y=-6 \\ 3x-2y=3 \end{cases}$ <p>Ta có $3x - 2y = -6$</p> 
--	---

<p>đó nhận xét về số giao điểm của chúng → số nghiệm của hệ ?</p> <p>- GV gợi ý HS biến đổi phương trình về dạng đường thẳng $y = ax + b$ rồi nhận xét về hệ số a, a' ?</p> <p>- Hai đt trên có vị trí như thế nào ? vậy số giao điểm là bao nhiêu ? → hệ có bao nhiêu nghiệm?</p> <p>- GV ra ví dụ 3 → HS biến đổi các phương trình về dạng $y = ax + b$ sau đó nhận xét số giao điểm.</p> <p>- Hệ pt trên có bao nhiêu nghiệm?</p> <p>- Một cách tổng quát ta có điều gì về nghiệm của hệ phương trình?</p> <p>- GV nêu chú ý cho HS ghi nhớ.</p> <p>Hoạt động 4</p> <p>- GV gọi HS nêu định nghĩa hai phương trình tương đương từ đó suy ra định nghĩa hai hệ pt tương đ. đ.</p> <p>- GV lấy ví dụ minh hoạ .</p>	<p>→ $y = 1,5x + 3\frac{3}{2}x + 3$ (d_1)</p> <p>$3x - 2y = 3$</p> <p>→ $y = 1,5x - 1,5$ (d_2) ta có $(d_1) // (d_2)$</p> <p>(vì $a = a' = \frac{3}{2}$ và $b \neq b'$) → (d_1) và (d_2) không có điểm chung → Hệ đã cho vô nghiệm .</p> <p>Ví dụ 3 (sgk) Xét hệ phương trình : $\begin{cases} 2x - y = 3 \\ -2x + y = -3 \end{cases}$</p> <p>Ta thấy $(d_1) : y = 2x - 3$ và $(d_2) : y = 2x - 3$ → ta có $(d_1) \equiv (d_2)$ (vì $a = a' ; b = b'$) → hệ phương trình có vô số nghiệm vì (d_1) và (d_2) có vô số điểm chung .</p> <p>Tổng quát (SGK)</p> <p>Chú ý (sgk)</p> <p>3 : Hệ phương trình tương đương</p> <p>+Định nghĩa (sgk)</p> <p>Ví dụ : $\begin{cases} 2x - y = 1 \\ x - 2y = -1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 2x - y = 1 \\ x - y = 0 \end{cases}$</p>
--	--

Hoạt động 5: Củng cố kiến thức-Hướng dẫn về nhà:

- Thế nào là hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn; nghiệm và số nghiệm của hệ.
- Để đoán nhận số nghiệm của hệ ta dựa vào điều gì ? áp dụng giải bài tập 4 (sgk - 11)

Tự rút kinh nghiệm:

A.Mục tiêu:

1. Kiến thức: Khái niệm hệ hai PT bậc nhất hai ẩn, nghiệm của HPT bậc nhất hai ẩn, giải hpt bằng đồ thị.
2. Kỹ năng: Nhận biết được khi nào một cặp số là một nghiệm của hệ. Không cần vẽ hình cũng nhận biết được số nghiệm của hpt bậc nhất hai ẩn. Tìm nghiệm của hpt bằng đồ thị một cách thành thạo.
3. Thái độ: Tích cực hợp tác tham gia hoạt động.

B. Chuẩn bị:

GV: Bảng phụ kẻ ô vuông, thước kẻ

HS: Làm bài tập ở nhà, thước kẻ, giấy kẻ ô vuông.

C. Tiến trình bài giảng:

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Nội dung kiến thức cần đạt</i>
<p>Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ:</p> <p>1. Hệ 2pt bậc nhất hai ẩn có dạng như thế nào? Có số nghiệm ra sao? Thế nào là hệ pt tương đương?</p> <p>2. Làm bài tập 4(11) ý c,d.</p>	<p>HS: Trả lời.</p> <p>Bài 4(11)</p> <p>c) $\begin{cases} 2y = -3x \\ 3y = 2x \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} y = -1,5x \\ y = \frac{2}{3}x \end{cases}$</p> <p>Hệ có nghiệm duy nhất vì có hệ số góc khác nhau.</p> <p>d) $\begin{cases} 3x - y = 3 \\ x - \frac{1}{3}y = 1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 3x - y = 1 \\ 3x - y = 1 \end{cases}$</p> <p>Hệ pt VSN vì hai đt chính là một.</p> <p>*Luyện tập.</p> <p>HS lên bảng</p>
<p>Hoạt động 2: Luyện tập.</p>	

Bài tập1: Tìm nghiệm tổng quát của PT sau và vẽ minh hoạ hình học.

a, $-2x - y = 1$

b, $x + y = 2$

HS nhận xét bài làm của bạn

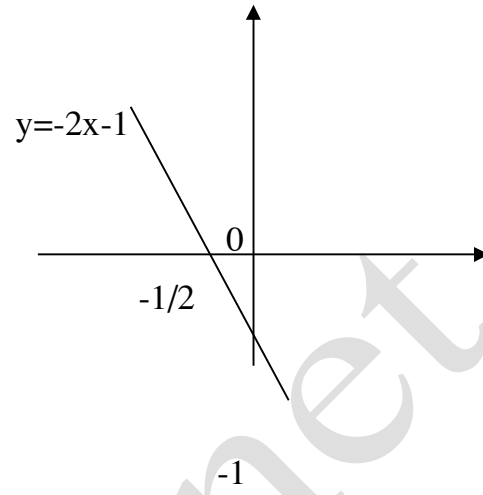
GV: Hãy vẽ hai đường thẳng trên cùng một hệ trục tọa độ, rồi xác định nghiệm chung của chúng?

Bài 9 sgk: Đoán nhận số nghiệm của hpt sau và giải thích vì sao?

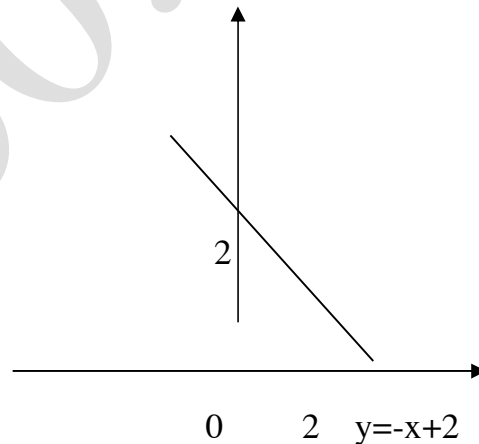
a, $\begin{cases} x + y = 2 \\ 3x + 3y = 2 \end{cases}$

b, $\begin{cases} 3x - 2y = 1 \\ -2x + 4y = 0 \end{cases}$

HS 1: a, $\begin{cases} x \in R \\ y = -2x - 1 \end{cases}$



HS 2: b, $\begin{cases} x \in R \\ y = -x + 2 \end{cases}$



HS:

- a) Hệ pt vô nghiệm
- b) Hệ pt có một nghiệm duy nhất

<p>Bài 10 sgk: Đoán nhận số nghiệm của hpt sau và giải thích vì sao?</p> <p>a/ $\begin{cases} 4x - 4y = 2 \\ -2x + 2y = -1 \end{cases}$</p> <p>b/ $\begin{cases} \frac{1}{3}x - y = \frac{2}{3} \\ x - 3y = 2 \end{cases}$</p> <p>* GV cùng HS nhận xét. * GV kết luận bài học.</p>	<p>a) Hệ có vô số nghiệm b) Hệ có vô số nghiệm</p>
--	--

*** Hoạt động 3: Củng cố kiến thức-Hướng dẫn về nhà:**

- Thế nào là hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn; nghiệm và số nghiệm của hệ.
- Để đoán nhận số nghiệm của hệ ta dựa vào điều gì ?
- Chuẩn bị bài sau

Tuần 16:

Ngày soạn: 2.12.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 33:

GIẢI HỆ PHƯƠNG TRÌNH BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỂ

A-Mục tiêu:

1. Kiến thức: Hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế, cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế .
2. Kỹ năng: Vận dụng giải được hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế.
3. Thái độ : Tích cực, hợp tác tham gia hoạt động học

B-Chuẩn bị:

- GV: Nội dung theo yêu cầu bài học, các phương tiện dạy học cần thiết
- HS: Đủ SGK, đồ dùng học tập và nội dung theo yêu cầu của GV

C. Tổ chức các hoạt động học tập

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Hoạt động 1:Kiểm tra bài cũ:</p> <p>1. Thế nào là giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn? Một hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn có thể có mấy nghiệm?</p> <p>2 . Giải bài tập 5 (sgk - 11)</p> <p>Hoạt động 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc quy tắc thế . - GV giới thiệu lại hai bước biến đổi tương đương hệ phương trình bằng quy tắc thế . - GV ra ví dụ 1 sau đó hướng dẫn và giải mẫu cho HS hệ phương trình bằng quy tắc thế . - Hãy biểu diễn ẩn x theo ẩn y ở phương trình (1) sau đó thế vào phương trình (2) . - Ở phương trình (2) ta thế ẩn x bằng gì ? Vậy ta có phương trình nào ? có mấy ẩn ? Vậy ta có thể giải hệ như thế nào ? 	<p>Học sinh Giải bài tập 5 (sgk - 11)</p> <p>1 : Quy tắc thế</p> <ul style="list-style-type: none"> * Quy tắc thế (sgk) * Ví dụ 1 (sgk) <p>Xét hệ phương trình : $\begin{cases} x-3y=2 & (1) \\ -2x+5y=1 & (2) \end{cases} \quad (I)$</p> <p>B1: Từ (1) $\rightarrow x = 2 + 3y$ (3)</p> <p>Thay (3) vào (2) ta có: (2)$\Leftrightarrow -2(3y + 2)+ 5y = 1$ (4)</p> <p>B2 : Kết hợp (3) và (4) ta có hệ :</p> $\begin{cases} x = 3y + 2 & (3) \\ -2(3y + 2) + 5y = 1 & (4) \end{cases}$ <p>Vậy ta có : (I) $\Leftrightarrow \begin{cases} x = 3y + 2 & (3) \\ -2(3y + 2) + 5y = 1 & (4) \end{cases}$</p>

- GV trình bày mẫu lại cách giải hệ bằng phương pháp thế .

- Thế nào là giải hệ bằng phương pháp thế?

Hoạt động 3:

- GV ra ví dụ 2 gợi ý HS giải hệ phương trình bằng phương pháp thế .

- Hãy biểu diễn ẩn này theo ẩn kia rồi thế vào phương trình còn lại . Theo em nên biểu diễn ẩn nào theo ẩn nào ? từ phương trình nào ?

- Từ (1) hãy tìm y theo x rồi thế vào phương trình (2) .

- Vậy ta có hệ phương trình (II) tương đương với hệ phương trình nào ? Hãy giải hệ và tìm nghiệm .

- GV yêu cầu HS áp dụng ví dụ 1 , 2 thực hiện ? 1 (sgk) .

- Cho HS thực hiện theo nhóm sau đó gọi 1 HS đại diện trình bày lời giải các HS khác nhận xét lời giải của bạn . GV hướng dẫn và chốt lại cách giải .

- GV nêu chú ý cho HS sau đó lấy ví dụ minh họa , làm mẫu hai bài tập hệ có vô số nghiệm và hệ vô nghiệm để HS nắm được cách giải và lí luận hệ trong trường hợp này .

- GV lấy ví dụ HD HS giải hệ phương trình .

- Theo em nên biểu diễn ẩn nào theo ẩn nào ? từ phương trình mấy ? vì sao ?

$$\Leftrightarrow \begin{cases} x = 3y + 2 \\ y = -5 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = -13 \\ y = -5 \end{cases}$$

Vậy hệ (I) có nghiệm là (- 13 ; - 5)

2 : Áp dụng

Ví dụ 2 : Giải hệ phương trình :

$$\begin{cases} 2x - y = 3 & (1) \\ x + 2y = 4 & (2) \end{cases} \quad (II)$$

$$\text{Giải : (II)} \Leftrightarrow \begin{cases} y = 2x - 3 \\ x + 2(2x - 3) = 4 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} y = 2x - 3 \\ 5x - 6 = 4 \end{cases}$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} y = 2x - 3 \\ x = 2 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = 2 \\ y = 1 \end{cases}$$

Vậy hệ (II) có nghiệm duy nhất là (2 ; 1)
? 1 (sgk)

$$\text{Ta có : } \begin{cases} 4x - 5y = 3 \\ 3x - y = 16 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} y = 3x - 16 \\ 4x - 5(3x - 16) = 3 \end{cases}$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} y = 3x - 16 \\ -11x = -77 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} y = 3 \cdot 7 - 16 \\ x = 7 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = 7 \\ y = 5 \end{cases}$$

Vậy hệ có nghiệm duy nhất là (7 ; 5)

* Chú ý (sgk)

* Ví dụ 3 (sgk) Giải hệ phương trình :

$$\begin{cases} 4x - 2y = -6 & (1) \\ -2x + y = 3 & (2) \end{cases} \quad (III)$$

+ Biểu diễn y theo x từ phương trình (2) ta có :

$$(2) \rightarrow y = 2x + 3 \quad (3)$$

Thay $y = 2x + 3$ vào phương trình (1) ta có :

$$(1) \Leftrightarrow 4x - 2(2x + 3) = -6$$

$$\Leftrightarrow 4x - 4x - 6 = -6 \Leftrightarrow 0x = 0 \quad (4)$$

Phương trình (4) nghiệm đúng với mọi $x \in \mathbb{R}$.

Vậy hệ (III) có vô số nghiệm . Tập nghiệm của

$$\text{hệ (III) tính bởi công thức : } \begin{cases} x \in \mathbb{R} \\ y = 2x + 3 \end{cases}$$

? 2 (sgk) . Trên cùng một hệ trục tọa độ

<p>- Thay vào phương trình còn lại ta được phương trình nào ? phương trình đó có bao nhiêu nghiệm ?</p> <p>- Nghiệm của hệ được biểu diễn bởi công thức nào ?</p> <p>- Hãy biểu diễn nghiệm của hệ (III) trên mặt phẳng Oxy .</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện ? 3 (SGK) giải hệ phương trình .</p> <p>- Hệ phương trình (IV) có nghiệm không ? vì sao ? trên Oxy nghiệm được biểu diễn như thế nào ?</p>	<p>nghiệm của hệ (III) được biểu diễn là đường thẳng $y = 2x + 3 \rightarrow$ Hệ (III) có vô số nghiệm .</p> <p>?3(sgk) +) Giải hệ bằng phương pháp thế :</p> $(IV) \Leftrightarrow \begin{cases} 4x + y = 2 & (1) \\ 8x + 2y = 1 & (2) \end{cases} \quad (IV)$ <p>Từ (1) $\rightarrow y = 2 - 4x$ (3) . Thay (3) vào (2) ta có :</p> $(2) \Leftrightarrow 8x + 2(2 - 4x) = 1 \Leftrightarrow 8x + 4 - 8x = 1$ $\Leftrightarrow 0x = -3 \text{ (vô lý) } (4)$ <p>Vậy phương trình (4) vô nghiệm \rightarrow hệ (IV) vô nghiệm</p>
--	---

Hoạt động 4: Củng cố kiến thức-Hướng dẫn về nhà:

- Nêu quy tắc thế để biến đổi tương đương hệ phương trình .
- Nêu các bước giải hệ phương trình bằng phương pháp thế .
- áp dụng các ví dụ giải bài tập 12 (a , b) - sgk -15 (2 HS lên bảng làm .

Tuần 16:

Ngày soạn: 8.12.2013

Ngày dạy: 9B.....

Tiết 34: **LUYỆN TẬP**

A-Mục tiêu:

1. Kiến thức: Củng cố lại cho HS cách giải hệ phương trình bằng phương pháp thế , cách biến đổi áp dụng quy tắc thế .